

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2019,
TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2020

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2019

Thực hiện Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 13/12/2018 của Huyện ủy và Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28/12/2018 của HĐND huyện về thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/12/2018 của HĐND huyện về việc thông qua các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2019. Được sự quan tâm của UBND tỉnh và các sở, ngành của tỉnh, sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự giám sát của HĐND huyện, sự phối hợp của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, nhân dân và các doanh nghiệp trong toàn huyện, UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các mặt công tác trọng tâm sau:

I. VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ-XÃ HỘI, AN NINH-QUỐC PHÒNG 2019

Giá trị sản xuất tăng trưởng năm 2019 (theo giá so sánh 2010) đạt 6,01%, trong đó nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 1,55%, công nghiệp - xây dựng tăng 10,43%, dịch vụ tăng 9,29%; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng: Nông, lâm nghiệp chiếm 46,06%; công nghiệp - xây dựng chiếm 29,96%; thương mại - dịch vụ chiếm 23,98%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 40,33 triệu đồng/năm được thể hiện trên các lĩnh vực chủ yếu sau:

1. Về lĩnh vực kinh tế

1.1. Sản xuất nông lâm nghiệp

a. Sản xuất nông nghiệp

Tổng diện tích gieo trồng năm 2019 là 23.879,5 ha, đạt 100,01% KH năm 2019, 100,27% so với cùng kỳ (vụ Đông xuân 1.713 ha, vụ Mùa 22.166,5 ha)¹. Nhìn chung diện tích gieo trồng, năng suất sản lượng các loại cây trồng đạt kế hoạch đề ra (có bảng biểu chi tiết kèm theo).

Tình hình dịch bệnh trên cây trồng: trong vụ Mùa, có 34,15 ha lúa tại địa bàn xã Ia Blư bị bệnh vàng lá gây hại cục bộ, tỉ lệ hại từ 20 - 25%, qua kiểm tra, nguyên nhân chủ yếu do biện pháp canh tác thiếu đồng bộ. Sâu keo mùa thu đầu vụ mùa gây hại trên diện rộng diện tích trồng ngô, diện tích nhiễm là 2.035,01 ha, trong đó diện tích nhiễm trung bình là 1.118,36 ha, diện tích nhiễm nặng 916,65

¹ Cụ thể: cây lương thực 5.859 ha, đạt 108,78% KH, 108,86% so với cùng kỳ (vụ Đông xuân 700 ha, vụ Mùa 5.099 ha); cây có củ 1.473 ha, đạt 106,58% KH, 102,61% so với cùng kỳ (vụ Đông xuân 114,5 ha, vụ Mùa 1.358,5 ha); cây thực phẩm 2.210 ha, đạt 99,59% KH, 95,31% so với cùng kỳ (vụ Đông xuân 746,5 ha, vụ Mùa 1.463,5 ha); cây CN ngắn ngày 397 ha, đạt 103,12% KH, 102,32% so với cùng kỳ; cây hàng năm khác 327,9 ha, đạt 107,16 % KH, 103,83% so với cùng kỳ (vụ Đông xuân 152 ha, vụ Mùa 175,9 ha); cây CNDN 12.099,5 ha, đạt 90,54% KH, so với 90,74% so với cùng kỳ; cây ăn quả 1.394,7 ha, đạt 243,83% KH, 303,23% so với cùng kỳ; Chanh dây 173,3 ha, đạt 89,98% KH, 85,66% so với cùng kỳ; cây dược liệu: 69 ha, đạt 95,83% KH, 92% so với cùng kỳ; cây dâu tằm 29,05 ha.

ha. Bệnh Chối rồng trên cây sản xuất hiện, tỷ lệ gây hại thấp, diện tích bị nhiễm khảm lá sản trong năm trên địa bàn huyện đã thống kê có 35,4 ha, người dân đã tự tiêu hủy 10 ha. Các loại cây trồng khác như: cao su, đậu đỗ, rau màu các loại,...Nhìn chung cây trồng sinh trưởng, phát triển bình thường, tình hình sâu bệnh hại rải rác không đáng kể.

Công tác trồng trọt - BVTV: thường xuyên kiểm tra, theo dõi báo tình hình sâu bệnh trên các loại cây trồng. Tăng cường điều tra nắm bắt tình hình ở cơ sở, đề xuất tham mưu các biện pháp chỉ đạo phòng trừ kịp thời không để sâu bệnh lây lan ra diện rộng. Tăng cường kiểm tra tình hình sản xuất, diễn biến sâu bệnh, hướng dẫn các hộ sản xuất chăm sóc cây trồng và phòng trừ sâu bệnh kịp thời. Thông qua các buổi tư vấn ngoài đồng ruộng, phối hợp các đợt đối thoại với nông dân để tuyên truyền các biện pháp, giải pháp phòng trừ khi có dịch hại xảy ra đối với các loại cây trồng trên địa bàn huyện.

Công tác chăn nuôi-Thú y: Tổng đàn gia súc toàn huyện hiện nay 62.750 con đạt 94,79% KH, 101,48% so với cùng kỳ năm 2018 (Đàn trâu 512 con đạt 105,13% KH, 100,39% so với cùng kỳ năm 2018; Đàn bò 24.005 con đạt 100,9 % KH, 104,58% so với cùng kỳ 2018; Đàn heo 22.471 con đạt 78,8% KH, 85,1% so với cùng kỳ 2018; Đàn dê 15,762 con đạt 117,62% KH, 131,72% so cùng kỳ 2018; và Đàn chó: 14.511con). Tổng đàn gia cầm toàn huyện 63.500 con, đạt 100,79 % KH, 101,76% so cùng kỳ năm 2018. Sản lượng thịt trâu hơi đạt, bò hơi trên địa huyện đạt 753,4 tấn bằng 100,98% so với KH, 104,47% so cùng kỳ năm 2018; sản lượng thịt heo hơi 2.029,4 tấn, bằng 78,79 % KH, 85,12% so cùng kỳ năm 2018.

Thực hiện tốt công tác khử trùng tiêu độc chuồng trại phòng, chống dịch bệnh, kiểm tra, xử lý nghiêm vấn đề sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi bắt đầu xảy ra vào ngày 14/5/2019. Tổng số heo chết và tiêu hủy do bệnh dịch tả lợn Châu Phi là 1.000 con/146 hộ với tổng trọng lượng 27.266 kg. UBND huyện đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 về việc xuất ngân sách năm 2019 cấp ứng cho UBND các xã, thị trấn, kinh phí hỗ trợ cho những hộ có heo bị dịch tả heo Châu phi buộc phải tiêu hủy là: 1.065.094 (Trong đó: từ ngày 14/5/2019 đến ngày 26/6/2019 kinh phí hỗ trợ là 836.544.000đ; Từ ngày 27/6/2019 đến ngày 30/9/2019 kinh phí hỗ trợ là 228.550.000đ); tính đến ngày 10/10/2019, các xã, thị trấn đã hỗ trợ cho 146 hộ có heo bị tiêu hủy theo đúng quy định. Tổ chức 02 đợt tổng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện. Tổng số hóa chất đã sử dụng trong năm 2019 là 1.593 lít hóa chất BenKocid².

Công tác khuyến nông: cấp 240.000 hom giống dâu S7-CB và cho 23 hộ tham gia mô hình, với diện tích 6 ha, trên địa bàn 06 xã, thị trấn. Sau khi các vườn đảm bảo lượng lá dâu cho tằm. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện đã cấp 30 hộp tằm con giống ngũ tuổi 3 dẫy ăn 4 cho các hộ dân tham gia mô hình. Trung bình sau 15 ngày nuôi 1 hộp tằm đạt từ 45-48 kg kén, với giá kén thời điểm hiện

² Triển khai công tác tiêm phòng vắc xin cho vật nuôi theo quy định, cụ thể: Tổng số vắc xin nhận là 17.326 liều vắc xin LMLM Type O&A, tiêm lần 1 được 8.450 liều, 1.922 hộ/41 thôn, làng; tỷ lệ tiêm đạt 87,25%; lần 2 tiêm 8.875 liều (dự kiến triển khai tiêm vét xong trước 15/12/2019). Đối với vắc xin Tụ huyết trùng trâu, bò: tổng số lượng vắc xin đã sử dụng: 12.150 liều/2.375 hộ/73 thôn, làng của các xã, thị trấn, tỷ lệ tiêm đạt 81,12%. Vắc xin THT, Phó thương hàn và Dịch tả heo: tổng số lượng vắc xin đã sử dụng: 7.200 liều/645 hộ/09 xã, thị trấn, tỷ lệ tiêm phòng đạt 86,97%. Vắc xin Đại: đã tiêm được 470 liều/251 hộ/24 thôn/08 xã. Tiến hành kiểm tra lần đầu kiểm phẩm 1.847 con heo, 145 con bò, thu nộp ngân sách: 14.959.000 đồng.

tại dao động từ 120-130 đồng/kg, 1 hộp tầm cho thu nhập từ 4,5-5 triệu đồng/hộp và mỗi tháng nuôi được 2 lứa tầm, thu khoảng 9-10 triệu đồng, trừ các khoản chi phí đầu tư lợi nhuận mỗi tháng thu nhập từ 5-6 triệu đồng/0,2 ha. Đến nay trên địa bàn huyện đã có 76 hộ tại 8 xã đã trồng dâu nuôi tầm với diện tích 29,05 ha³.

Công tác chuyển đổi cây trồng: phối hợp với Công ty Nafoods triển khai liên kết sản xuất-tiêu thụ sản phẩm cây Chanh dây trên địa bàn xã Ia Hla; tổ chức Hội thảo Kế hoạch định hướng chuyển đổi cây trồng tại 08 xã, 01 thị trấn; mời một số doanh nghiệp, HTX đến liên kết sản xuất-tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, gồm: Công ty Dâu tầm tơ Mang Yang, Hợp tác xã Trường Xuân, Hợp tác xã FAOS...Diện tích hồ tiêu chết đã chuyển đổi trồng cây ăn trái và cây trồng khác là 1.705 ha⁴.

Chương trình tái canh cà phê: tập huấn tái canh cà phê cho 207 đại biểu, trong đó học viên là nông dân 180 người; triển khai cấp cây giống cà phê cho 76 hộ để thực hiện trồng 53,5 ha cà phê tái canh để cho các hộ dân trồng kịp thời vụ, hướng dẫn các hộ dân chăm sóc cây cà phê theo kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra để phát hiện và phòng trừ sâu bệnh kịp thời. Xây dựng kế hoạch tái canh cà phê năm 2020. Đến nay, đã có 09 xã, thị trấn đăng ký diện tích tái canh cà phê năm 2019 với 29 ha của 54 hộ.

Công tác kê khai diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm: tổng diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm kê khai đến thời điểm hiện nay là 1.841,91 ha, đạt 62,12% kế hoạch. Cụ thể như sau: BQL rừng phòng hộ Nam Phú Nhơn 426,2 ha; xã Ia Phang 485,17 ha; xã Ia Le 352,74 ha; xã Ia Blứ 272,3 ha; xã Ia Hla 86,4 ha; xã Ia Hnú 139,3 ha; xã Chư Don 79,8 ha.

Công tác trồng rừng: tổng diện tích đã trồng rừng năm 2019 là 322,85 ha, đạt 140,37% kế hoạch tỉnh, cụ thể: trồng rừng trong quy hoạch là 134,65 ha, gồm (Ia Hla 10,3 ha; Ia Le 24,5 ha; Ia Hnú 2,7 ha; Ia Blứ 20,85 ha, Ia Phang 29,2 ha; Chư Don 7,1 ha; BQL rừng phòng hộ Nam Phú Nhơn là 40 ha); trồng rừng ngoài quy hoạch đã trồng được 188,2 ha, gồm: Ia Blứ 43,8 ha, Ia Phang 20,2 ha; Ia Hla 77,5 ha; Chư Don 6,9 ha; Ia Le 31,5 ha; Ia Hnú 6 ha; Ia Rong 2,3 ha (Kế hoạch tỉnh giao trồng rừng trong quy hoạch tỉnh giao là 190 ha, ngoài quy hoạch 40 ha).

Chương trình xây dựng nông thôn mới: tổ chức thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí và hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình tỉnh xét công nhận, công bố xã Ia Rong đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2019 và Hướng dẫn 02 thôn Tao Kó xã Ia Rong, Thoh Nhueng xã Ia Phang hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục thẩm định, xét công nhận làng Nông thôn mới theo qui định. Thực trạng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới đến nay như sau: xã Ia Phang đạt 19/19 tiêu chí; xã Ia Le đạt 19/19 tiêu chí; xã Ia Hnú đạt 19/19 tiêu chí; xã Ia Blứ đạt 19/19 tiêu chí; xã Ia Dreng đạt 11/19 tiêu chí; xã Ia Hla đạt 12/19 tiêu chí; xã Chư Don đạt 10/19 tiêu chí. Đôn đốc các xã rà soát, đăng

³ Trong đó có 63 hộ tại 07 xã đã ký hợp đồng liên kết bao tiêu sản phẩm kén tầm với công ty dâu tầm tơ Mang Yang, diện tích đăng ký liên kết là 25,85 ha gồm xã Ia Hla 7,5 ha của 17 hộ, Ia Phang 2,2 ha của 5 hộ, Ia Rong 2,8 ha của 4 hộ, Ia Blứ 6,15 ha của 21 hộ, Ia le 4,9 ha của 11 hộ và thị trấn Nhơn Hòa 2 ha của 4 hộ.

⁴ Trong đó: Cây ăn quả 353,6 ha, gồm: Cây Sầu riêng 41,2 ha, Bơ 26,5 ha; Cam 14,0 ha; Xoài 3,7 ha; Mít 33,9 ha; Chuối 62,5 ha; Na 10,9 ha; Ổi 2,0 ha; Nhãn 40,5 ha; Chanh tứ quý 8,7 ha; Bưởi 5,3 ha; Thanh long 1 ha; Vải 1 ha; Chôm chôm 3,2 ha; Chanh dây 79,2 ha; Cây ăn quả khác 20 ha; Cây công nghiệp 114,9 ha, tại các xã, thị trấn, gồm: tái canh Cây hồ tiêu 1,5 ha; chuyển đổi sang Cây cà phê 74,4 ha; chuyển đổi sang cây Điều 39 ha. Cây thực phẩm 147,1 ha, tại các xã, thị trấn, gồm: đậu các loại 88,5 ha; Rau các loại 85,6 ha. Cây dược liệu 41,6 ha, gồm: Đinh lăng 16,6 ha; Nghệ 25 ha; Trồng dâu, măng tây: 81,05 ha (cây dâu: 29,05 ha, măng tây 2,0 ha). Ngô, đậu, rau các loại, trồng cỏ: 966,75 ha.

ký thôn, làng phần đầu đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2020, đến nay đã có 03 xã đăng ký với 04 thôn, làng, cụ thể; xã Ia Dreng đăng ký thôn Tung Blai, xã Ia Rong đăng ký thôn Tao KLăh, xã Ia Phang đăng ký làng Briêng và thôn Hòa thuận.

Công tác xây dựng phát triển các HTX và mô hình Nông hội: tổ chức Hội nghị đề ra các giải pháp, biện pháp phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã nông nghiệp và thiết lập “chuỗi cung cầu Nông sản Việt”. Số lượng HTX Nông nghiệp trên địa bàn huyện đến nay là 21 HTX (trong đó số lượng HTX thành lập mới năm 2019 là 07 HTX; số lượng HTX đang hoạt động 16, ngưng hoạt động 05 HTX). Phối hợp Trường cán bộ quản lý nông nghiệp & PTNT tổ chức lớp tập huấn, triển khai xây dựng 03 HTX điểm trên địa bàn 03 xã Ia Rong, Ia Phang và Ia Blư. Ngày 28/11/2019, Đảng ủy, UBND xã Ia Le đã tổ chức Lễ ra mắt “Nông hội trồng dâu nuôi tằm xã Ia Le”. Ngày 05/12/2019, Đảng ủy, UBND xã Ia Dreng đã tổ chức Lễ ra mắt “Nông hội Chăn nuôi dê, bò”. Chọn 02 xã Ia Blư, Ia Dreng làm xã điểm để chỉ đạo về phát triển kinh tế.

Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn: trong năm 2019, thiệt hại gây ra trên địa bàn khoảng 67 triệu đồng (chủ yếu là mưa lớn kèm theo lốc xoáy gây ảnh hưởng một số nhà, liêu tạm bợ và cây trồng). UBND huyện đã xuất ngân sách hỗ trợ kịp thời cho các hộ gia đình bị thiệt hại để ổn định đời sống.

Các chương trình, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp:

Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng vùng trồng chuyên canh cây có múi theo VietGap tại huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai: đã triển khai trồng được 10 ha mô hình Cam CS1 tại xã Ia Le và 05 ha mô hình trồng Bưởi đỏ Hòa Bình tại xã Chư Don, với lượng cây giống đã cung cấp cho các hộ dân là 2.755 cây giống Bưởi đỏ Hòa Bình cho 05 hộ dân tham gia mô hình tại xã Chư Don và 9.130 cây Cam CS1 cho 20 hộ tham gia mô hình tại xã Ia Le; tổ 02 lớp tập huấn cho 100 đại biểu là nông dân tại 02 xã Ia Le, Chư Don. Đến hết tháng 12/2019 triển khai xong việc hỗ trợ lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm nước cho 10 ha Cam tại xã Ia Le, 05 ha Bưởi tại xã Chư Don.

Chương trình mỗi xã 01 sản phẩm (OCOP): Hội đồng đánh giá cấp huyện tổ chức đánh giá sơ bộ theo qui định, kết quả có 04 sản phẩm đã đề nghị tỉnh đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP gồm; Rượu Đinh Lăng (sản phẩm của Công ty TNHH MTV Ngọc Thạch Khôi), Viên Tinh Nghệ Đỏ AGILA, Tinh Bột Nghệ Đỏ AGILA (sản phẩm của Công ty Nhất Nông Gia Lai) và sầu riêng (sản phẩm Hợp Tác Xã Nông Nghiệp Hữu Cơ Đại Ngàn)

Công tác tổ chức phiên chợ nông sản an toàn và Hội hoa xuân tết Kỷ Hợi 2019: Tổ chức thành công Phiên trợ nông sản an toàn và Hội hoa xuân tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019, diễn ra trong 2 ngày (từ ngày 30-31/01/2019). Tại phiên chợ có 22 gian hàng⁵.

Về công tác tham mưu lập bản đồ thổ nhượng trên địa bàn huyện: đến ngày 8/12/2019, Phòng Nông nghiệp & PTNT chốt hồ sơ đấu thầu, lựa chọn nhà thầu để triển khai thực hiện dự án theo qui định của Luật đấu thầu.

Về công tác triển khai dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện: 04 dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá

⁵ Trong đó: 09 gian hàng của 8 xã, 01 thị trấn; 04 gian hàng của Đoàn thanh niên, 05 gian hàng của Hội Liên hiệp Phụ nữ, 01 gian hàng HTX Long Hưng - xã Ia Phang; 01 gian hàng của Trung tâm Viễn thông và Bưu điện huyện Chư Puh, 01 gian hàng của Viettel, 01 gian hàng của Công ty TNHH Nhất Nông. Tổng sản phẩm tham gia tại phiên chợ là 125 sản phẩm; có 01 gian hàng hoa tết; tổng doanh thu trong 02 ngày Phiên chợ đạt 255 triệu đồng.

trị. Đến nay, HTX Trường Xuân đã triển khai cấp được 17.200 cây Nhân Hương chỉ cho 144 hộ⁶.

Dự án giảm nghèo bền vững: Tổng kinh phí 2.258,47 triệu đồng, trong đó: ngân sách nhà nước 2.100,76 triệu đồng; nhân dân đóng góp 157,71 triệu đồng. Kinh phí giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước tính đến cuối tháng 11/2019 là: 1.794,08 triệu đồng.

b. Lâm nghiệp: thường xuyên, tăng cường công tác tuyên truyền về quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, cam kết an toàn lửa rừng. Cử cố kiện toàn Tổ công tác cơ động liên ngành kiểm tra, ngăn chặn tình hình vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn xã Ia Blư và xã Ia Le. Thường xuyên tổ chức tuần tra, truy quét, ngăn chặn các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Tính từ 15/12/2018 đến 31/11/2019 đã phát hiện và lập biên bản là 30 vụ; giảm 18 vụ so với cùng kỳ năm 2018 (trong đó vận chuyển lâm sản trái phép 26 vụ; cất giấu lâm sản trái phép 04). Đã xử lý hành chính 29 vụ (01 vụ tồn năm trước chuyển qua). Phạt tiền: 249.000.000 đồng, tịch thu: 30,053 m³ gỗ tròn, xẻ từ N3 - N8; 36,37 Ster củi; 13 cây Hương N1; 25 cá thể động vật rừng (12,1kg) nhóm thông thường và nhóm IIB, 01 xe ô tô tải. Trả lại 03 xe ô tô tải, 20 xe công nông.

1.2. Công nghiệp - TTCN - GTVT: giá trị Công nghiệp-XDCB (giá so sánh năm 2010) đạt 998,45 tỷ đồng đạt 100,26% KH năm, so với cùng kỳ đạt 110,43%, các sản phẩm chủ yếu gồm: Đá xây dựng, sản phẩm cơ khí dân dụng, xay xát lương thực, giết mổ gia súc, may mặc, bê tông đúc sẵn, bún bánh các loại...Khối lượng vận chuyển 517 nghìn tấn đạt 101,37% KH năm, so với cùng kỳ đạt 104,23%. Khối lượng vận chuyển 648,32 nghìn hành khách đạt 101,3% KH năm, so với cùng kỳ đạt 104,57%.

Triển khai lắp đặt tám phản quang được 902 phương tiện xe công nông đạt 95%⁷. Phối hợp với Công ty bảo trì Đức Long Gia Lai triển khai lắp bổ sung biển báo hiệu giao thông trên đường Hồ Chí Minh tại Km 1660+350 và 1660+800 được 04 biển giao nhau đường không ưu tiên, 02 biển giao nhau với đường ưu tiên.

1.3. Đầu tư-XDCB: tổng mức đầu tư các công trình XDCB năm 2019 trên địa bàn huyện là 111.797 triệu đồng, khối lượng thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 113.293 triệu đồng, đạt 101,34% kế hoạch, khối lượng giải ngân là 111.237 triệu đồng (hết nhiệm vụ chi), đạt 99,50% kế hoạch (có danh mục kèm theo).

1.4. Công tác thu-chi ngân sách: tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện đến ngày 31/12/2019 là 359,565 tỷ đồng, đạt 102,45% kế hoạch tỉnh, đạt 100,15% kế hoạch huyện, trong đó thu trên địa bàn (không tính kết dư chuyển nguồn và trừ tiền sử dụng đất dự án tỉnh) là 34,621 tỷ đồng đạt 133,01% kế hoạch tỉnh, đạt 101,57% kế hoạch huyện. Tổng chi ngân sách đến ngày 31/12/2019 là 352,985 tỷ đồng, đạt 113,52% kế hoạch tỉnh, đạt 93,19% kế hoạch huyện (có biểu chi tiết kèm theo).

1.5. Lĩnh vực Tài nguyên-MT huyện: hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giải quyết 1.018 hồ sơ với tổng diện tích 571,326 ha (đất ở 0,592

⁶ Tại các xã: Ia Hnú 22 hộ, Ia Rong 07 hộ, Ia Phang 08 hộ, Ia Le 07 hộ, Ia Dreng 56 hộ, Ia Hla 44 hộ, đang tiếp tục cấp bổ sung cho các hộ đăng ký sau tại các xã Ia Hla, xã Ia Rong; HTX Long Hưng đã triển khai cấp được 4.220 Kg giống lúa cho 33 hộ dân của Thôn Plei Tao - xã Ia Phang tham gia mô hình. Các dự án còn lại tiếp tục triển khai và dự kiến hoàn thành trước ngày 15/01/2020.

⁷ Cụ thể: xã Ia Rong 139 chiếc; xã Ia Hnú 150 chiếc; xã Ia Hla 112 chiếc; xã Ia Phang 70 chiếc; xã Ia Le 70 chiếc; thị trấn Nhơn Hòa 131 chiếc; xã Ia Blư 100 chiếc; xã Chư Don 30 chiếc; xã Ia Dreng 100 chiếc; sơ sửa chữa, bổ sung biển báo hiệu GTĐB, panô tuyên truyền ATGT

ha, đất nông nghiệp 570,736 ha). Hồ sơ chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất đã giải quyết xong 623 hồ sơ với tổng diện tích 169,554 ha (đất ở 5,031 ha, đất nông nghiệp 164,5.227 ha); đạt 66,6% về diện tích và 94,5% về số hồ sơ so với cùng kỳ. Hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất đã giải quyết 27 hồ sơ với tổng diện tích 1,742 ha (trong đó chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở 0,4507 ha), đạt 92,1% về diện tích và 31,4% về số hồ sơ so với cùng kỳ. Hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giải quyết 112 hồ sơ với tổng diện tích 49,504 ha (đất ở 0,8540 ha; đất nông nghiệp 48,650 ha), đạt 143,4% về diện tích và 136,6% về số hồ sơ so với cùng kỳ.

Công tác BTHT, GPMB & TĐC: thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng các công trình đầu tư xây dựng trong năm 2019. Đối với Công trình Hệ thống Hồ thủy lợi chứa nước Plei Thờ Ga, đến nay đã triển khai chi trả bồi thường cho 186 hộ dân, với diện tích thu hồi: 137,38 ha, tổng kinh phí bồi thường là: 28,675 tỷ đồng. Còn lại tuyến kênh với chiều dài 7.000 m đã triển khai xong công tác kiểm đếm, trong giai đoạn lập phương án, công khai phương án bồi thường theo quy định. Đã hoàn thành công tác bồi thường, GPMB và thu hồi đất thực hiện dự án với tổng diện tích 600 m², của 01 hộ dân, tổng kinh phí thực hiện 182.283.000 đồng thực hiện Công trình trụ sở làm việc của Đội công tác PA 90. Công trình Đường nội thị thị trấn Nhơn Hòa: đã vận động nhân dân hiến đất triển khai 03 tuyến đường: Đường Anh Hùng Núp chiều dài 1.700 m, Đường Nguyễn Tất Thành, chiều dài 627,05 m, Đường Huỳnh Thúc Kháng, chiều dài 1.957m. Đa số người dân đồng ý phương án hiến đất để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công, chỉ yêu cầu hỗ trợ về cây cối hoa màu, vật kiến trúc. Tổng số hộ bị ảnh hưởng 147 hộ. Tổng kinh phí hỗ trợ: 2.978 triệu đồng. Công trình Đường Liên xã: Đoạn Quốc lộ 14 đi Ia Sâm, chiều dài 1,38 km, Tổng số hộ bị ảnh hưởng 24 hộ. Dự kiến số tiền bồi thường, hỗ trợ để GPMB thi công công trình 876 triệu đồng.

Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và môi trường: kiểm tra định kỳ đối với 03 doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn (Công ty TNHH Duy Nhất, Công ty TNHH MTV Trang Đức, Công ty TNHH Bách Long 1). Qua đó kịp thời phát hiện và chấn chỉnh hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản; xử lý 01 trường hợp khai thác ngoài phạm vi đối với Công ty TNHH Duy Nhất với số tiền 15.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước; thường xuyên tuần tra, kiểm soát, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Trong năm 2019, phát hiện và xử lý 04 trường hợp khai thác khoáng sản trái phép⁸. Quản lý tốt về lĩnh vực môi trường, kiểm tra, xử lý 03 hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh qua đó nhắc nhở 02 trường hợp; xử lý 01 trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường (bà Bùi Thị Tâm, xã Ia Hnú với số tiền 2,5 triệu đồng). Thực hiện đăng ký 5 hộ sản xuất kinh doanh xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đơn giản.

1.6. Hoạt động kiến thiết thị chính: công tác chỉnh trang đô thị được quan tâm chỉ đạo, cơ sở hạ tầng được khang trang, công tác môi trường được đầu tư, tổng số thu gom và xử lý chôn lấp là 9.000 m³ rác thải sinh hoạt, số hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt đã ký kết là 2.296 hợp đồng, thu phí vệ sinh là 454.000.000 đồng, đạt 72% kế hoạch; hệ thống chiếu sáng thường xuyên được kiểm tra sửa chữa kịp thời không để xảy ra tình trạng mất điện; quản lý và vận hành điện chiếu

⁸ Xử lý 04 cá nhân với số tiền 10.000.000 đồng, tịch thu bán đấu giá 01 máy hút, 01 đầu hút, 100m³ cát xây dựng thông thường

sáng phục vụ nhân dân, góp phần đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự. Tổng số hợp đồng nước sạch đã ký là 1.186 hợp đồng, thu được 863.574.321 đồng, đạt 86,66% kế hoạch.

1.7. Hoạt động tín dụng-ngân hàng: chất lượng hoạt động của các Ngân hàng từng bước được nâng lên, thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục vay vốn; đã tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận nguồn vốn vay để đầu tư sản xuất kinh doanh. Tổng nguồn vốn huy động đạt 544,249 tỷ đồng; tổng dư nợ đạt 1.321,253 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu chiếm 1,34% tổng dư nợ.

2. Về văn hoá - xã hội

2.1. Giáo dục: hoạt động dạy và học đảm bảo theo kế hoạch, các nhiệm vụ trọng tâm được toàn ngành thực hiện nghiêm túc, tích cực; chất lượng giáo dục toàn diện được nâng cao; kế hoạch tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số được chú trọng. Thực hiện đúng, kịp thời các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh và nhà giáo. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo nhu cầu học tập cho học sinh. Tỷ lệ thi đậu tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2019 đạt 96,53%. Tổng số trường 35 trường, với 616 lớp, 19.667 học sinh⁹; Chất lượng mũi nhọn được nâng lên có 272 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp huyện (32 giải Nhất, 44 giải Nhì; 58 giải Ba; 138 giải KK). Có 17 học sinh lớp 9 đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh (01 giải Nhì; 04 giải Ba; 12 giải Khuyến khích); tăng 04 giải so với năm học 2017 - 2018; Tổ chức Mô hình điểm trường lớp “xanh - sạch - đẹp - an toàn” tại xã Ia Hrú. Trường Bán trú Ama Trang Long đã đi vào hoạt động, công tác dạy và học được đảm bảo ngay từ đầu năm học 2019-2020; tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường 98,18%; có 15 trường đạt chuẩn quốc gia. Thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh việc dạy thêm học thêm, phòng chống tai nạn đuối nước, không để xảy ra tình trạng lạm thu trong trường học; triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2019 -2025" trên địa bàn huyện. Tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đồng huyện lần thứ II.

2.2. Y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình:

Mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố và phát triển. Toàn huyện hiện có 95 giường bệnh (tuyến huyện 50 giường, tuyến xã 45 giường), đạt tỷ lệ 12,7 giường bệnh/vạn dân; có 120 cán bộ y tế cấp huyện, cấp xã (trong đó có 22 bác sỹ, 10 dược sỹ, 34 điều dưỡng, 18 nữ hộ sinh, 05 KTV, khác 09), 83 nhân viên y tế/74 thôn, làng; đạt tỷ lệ 2,9 bác sỹ/vạn dân; 78% số xã có bác sỹ; 100% số xã có nữ hộ sinh. Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 89%.

Trong năm tình hình dịch bệnh ổn định, có 859 trường hợp mắc sốt xuất huyết và một số bệnh thông thường được chữa trị ổn định. Công tác khám chữa bệnh cho nhân dân được quan tâm, với 70.536 lượt khám chữa bệnh tại cấp huyện, cấp xã, thực hiện tốt quy chế thường trực cấp cứu, chuyên môn nghiệp vụ, quy chế kê đơn, củng cố chế độ hồ sơ bệnh án, tuân thủ quy trình kỹ thuật, hướng dẫn chuẩn đoán và điều trị. Hiện nay, có 8/9 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (riêng Trạm y tế xã Chư Don, đang đề nghị tỉnh công nhận)

Trên địa bàn có 389 cơ sở (35 cơ sở sản xuất, chế biến; 205 cơ sở kinh doanh tạp hóa; 149 cơ sở dịch vụ ăn uống); đoàn kiểm tra liên ngành đã tổ chức 03 đợt kiểm tra, 43 cơ sở, trong đó có 11 cơ sở vi phạm, phạt tiền 01 cơ sở, số tiền

⁹ Trong đó, bậc Mầm Non 125 lớp, 3.370 học sinh; bậc Tiểu học 331 lớp, 9.518 học sinh; bậc THCS 128 lớp, 5.248 học sinh; bậc THPT 32 lớp, 1.531 học sinh.

2.000.000 đồng, còn 10 cơ sở nhỏ lẻ nhắc nhở. Các xã thị trấn kiểm tra được 358 cơ sở, vi phạm 68 cơ sở nhỏ lẻ, hình thức nhắc nhở; từ đầu năm đến nay không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra trên địa bàn huyện; 43 đại lý, quầy thuốc, qua kiểm tra không có vi phạm; thường xuyên cập nhật, tuyên truyền thực hiện tốt chính sách DS-KHHGD; phối hợp tập huấn khám, phát hiện bệnh phong tại xã Ia Rong, Ia Phang.

2.3. Văn hóa - Thông tin, Truyền thanh - Truyền hình:

Các hoạt động nhân dịp Tết Nguyên đán, các ngày lễ kỷ niệm, các sự kiện nổi bật của huyện được tổ chức chu đáo. Phát động rộng khắp phong trào tập luyện thể dục thể thao quần chúng từ huyện xuống cơ sở. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, biểu diễn văn nghệ phục vụ âm thanh tại các sự kiện văn hóa, chính trị của huyện; Tổ chức thành công hội thi Văn hóa công chiêng lần thứ IX năm 2019, thu hút 300 nghệ nhân tham gia ở 5 môn thi (cồng chiêng, đàn lát, dệt thổ cẩm, tạc tượng, hát dân ca). Phối hợp tổ chức 14 buổi giao lưu văn nghệ tại 14 thôn, làng, có 4.300 lượt người xem. Phối hợp với Nhà ca múa nhạc tổng hợp Đam San và Đội thông tin lưu động tỉnh biểu diễn văn nghệ 8 buổi tại các xã, thị trấn, có trên 6.150 lượt người xem. Đã cắt, dán 2.015 mét băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền, treo 3.040 lượt cờ chuỗi các loại, sửa chữa và làm mới 333 m² panô; tuyên truyền bằng xe loa được 163 giờ về Luật giao thông đường bộ, Luật nghĩa vụ Quân sự, Luật quản lý và bảo vệ rừng; xây dựng nông thôn mới và tuyên truyền kỷ niệm 10 năm thành lập Đảng bộ huyện. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hoá, thông tin truyền thông trên địa bàn huyện hoạt động theo đúng quy định.

Thành lập đoàn vận động viên, nghệ nhân tham gia Hội thi Văn hóa - Thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh lần thứ II năm 2019. Kết quả đạt 02 huy chương đồng và 01 giải khuyến khích môn cồng chiêng; tham dự giải vô địch các CLB võ Cỏ truyền và giải bóng đá thiếu niên, nhi đồng tỉnh Gia Lai năm 2019. Kết quả đạt 01 huy chương vàng, 01 huy chương bạc, 01 huy chương Đồng môn võ cỏ truyền và 01 giải cá nhân cầu thủ ghi nhiều bàn thắng nhất ở giải bóng đá. Tham dự giải vô địch các CLB Karate và giải vô địch các CLB Vovinam tỉnh Gia Lai năm 2019. Kết quả CLB Karate đạt 02 huy chương Vàng, 04 huy chương bạc, 02 huy chương Đồng; CLB Vovinam đạt 01 huy chương vàng, 01 huy chương Đồng. Hội thao chào mừng kỷ niệm 10 năm thành lập Đảng bộ huyện, thu hút 300 VĐV tham gia ở 5 môn thi: bóng chuyền, bóng đá, chạy việt dã, kaos co, cầu lông.

Công tác thông tin tuyên truyền tiếp tục được đổi mới, nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh. Trong năm sản xuất được 149 chương trình phát thanh, 98 chương trình truyền hình, 24 chuyên mục ATGT, 48 chuyên mục pháp luật và đời sống, 68 chuyên mục “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, 12 chuyên mục tiếng Jarai; gửi 13 chuyên mục phát thanh và 12 chuyên mục truyền hình, 145 tin, bài phát trên sóng đài tỉnh. Tổng số 1.199 tin, 233 bài phóng sự, gương người tốt việc tốt. Phối hợp với các xã, thị trấn xây dựng 36 phóng sự truyền hình về chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi giai đoạn 2019 - 2020 và định hướng đến 2025; sửa chữa 98 cụm loa tại các thôn, làng.

2.4. Công tác Lao động Thương binh và xã hội

Công tác Lao động việc làm và đào tạo nghề: đã giải quyết việc làm cho 920 lao động, đạt 102% kế hoạch, trong đó xuất khẩu lao động 120, giải quyết việc làm thông qua các nguồn vốn vay 600 lao động. Phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc

làm tỉnh tổ chức phiên giao dịch thu hút 300 lao động tham gia. Rà soát số lao động đi làm việc ngoài tỉnh là 5.354 lao động (trong đó, 3.209 lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số). Mở 10 lớp dạy nghề cho lao động nông thôn, 200 học viên tham gia¹⁰.

Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức Hội nghị "Tấm lòng vàng" kêu gọi, vận động 85 đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân ủng hộ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho 37 hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn xã Ia Rong với kinh phí: 1.176.979.000 đồng. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng và bàn giao nhà ở cho 04 hộ nghèo, kinh phí là 285 triệu đồng, trong đó: xã Ia Le 01 hộ, xã Ia Rong 02 hộ, xã Ia Phang 01 hộ. (Năm 2019, các đơn vị đã hỗ trợ xây dựng và sửa chữa được 57 nhà cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở trên địa bàn huyện). Triển khai xây dựng 01 nhà tình thương cho đối tượng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn với tổng kinh phí 50.000.000 đồng từ nguồn tài trợ của Quỹ từ thiện Kim Oanh. Các phòng ban đơn vị đăng ký hỗ trợ 48 hộ nghèo thoát nghèo năm 2019.

Số hộ nghèo cuối năm 2019 là 1.155 hộ chiếm tỷ lệ 6,8% vượt kế hoạch đề ra; trong đó hộ DTTS 981 hộ chiếm tỷ lệ 84,94%, tỷ lệ thoát nghèo trong năm 2019 đạt tỷ lệ 3,4%; Tổng số hộ cận nghèo trên địa bàn huyện đến cuối năm 2019 là 1.899 hộ chiếm tỷ lệ 11,18% trong đó hộ DTTS 1.497 hộ chiếm tỷ lệ 78,83% tổng số hộ cận nghèo.

Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước cho đối tượng thụ hưởng. Tổ chức cất bốc, lễ viếng 02 liệt sỹ và đưa về an táng tại làng Puối Lốp, xã Ia Le. Phối hợp với huyện Chư sê an táng 01 hài cốt liệt sỹ được cất bốc tại nghĩa trang liệt sỹ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hiện có 1.659 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng¹¹. Phối hợp với Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Gia Lai đưa 02 đối tượng khuyết tật và tâm thần lang thang vào tại trung tâm theo quy định; cấp phát 29 xe lăn cho đối tượng khuyết tật trên địa bàn huyện.

2.5. Công tác dân tộc: tình hình sản xuất và đời sống của vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện tương đối ổn định; phát huy tinh thần đoàn kết, đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc ở địa phương, góp phần ổn định kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các chương trình, dự án đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tích cực triển khai; cấp hỗ trợ 24.897,77 kg phân bón; 419,48 kg giống ngô lai CP 888 cho 107 hộ và cấp 117 con bò cái sinh sản cho 117 hộ nghèo; cấp muối I ốt cho 7.863 hộ/48.778 khẩu; phát 800 tờ rơi tuyên truyền đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số tại các thôn, làng; cấp bổ sung thẻ Bảo hiểm y tế cho 46.062 người đồng bào dân tộc thiểu số và người kinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2.6. Bảo hiểm xã hội: số người tham gia BHYT là 74.629 người đạt 105,47% kế hoạch, bằng 95,9% tổng dân số; số người tham gia BHXH là 1.989 người đạt 103,72% kế hoạch, bằng 5,02% lực lượng lao động. Trong đó, tham BHXH bắt buộc là 1.828 người, tham gia BHXH tự nguyện 161 người, tham gia bảo hiểm thất

¹⁰ Trong đó: 06 lớp nông nghiệp, 120 học viên; 04 lớp phi nông nghiệp 80 học viên.

¹¹ Trong đó: trẻ mồ côi 93 người, già cô đơn 14 người, người cao tuổi 725 người, người khuyết tật 633 người, khuyết tật nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi 02 người, đơn thân nuôi con nhỏ thuộc hộ nghèo 33 người, nuôi dưỡng trẻ mồ côi 37 người, gia đình trực tiếp chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng 123 người.

ng nghiệp 1.279 người; số thu BHXH-BHYT-BHTN 84.497.000.000 đồng đạt 100% kế hoạch; chi trả BHXH, BHYT số tiền 26.202.956.300 đồng. Tổng số nợ BHXH, BHYT là 1.020.000.000 đồng. Trong năm cấp 280 sổ BHXH (trong đó cấp mới 162 sổ, cấp lại 118 sổ), phát hành 15.109 thẻ BHYT (cấp mới 11.833 thẻ, cấp lại 3.276 thẻ). Số người hưởng chế độ BHXH trong năm 569 người. Số người hưởng chế độ hàng tháng 151 người (trong đó: hưởng chế độ hưu trí: 129 người, chế độ tử tuất: 20 người, chế độ TNLĐ - BNN: 02 người). Hưởng trợ cấp xã hội 01 lần 154 người. Trong tháng có 68.756 lượt người khám chữa bệnh BHYT.

2.7. Công tác phối hợp giữa UBND huyện với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức hội, đoàn thể huyện

Chú trọng trong việc tuyên truyền đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Phối hợp chặt chẽ trong phát huy dân chủ, giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tích cực phối hợp trong cải cách hành chính; đánh giá sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với dịch vụ hành chính công để tạo chuyển biến mạnh từ huyện đến xã. Thúc đẩy các hoạt động an sinh xã hội, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường, phòng ngừa, phát hiện tố giác tội phạm và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

3. Lĩnh vực nội chính

3.1. Tình hình ANCT-TTATXH

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện trong năm 2019 cơ bản ổn định, UBND huyện đã chỉ đạo các lực lượng chức năng nắm diễn biến tình hình liên quan, không để xảy ra hoạt động phục hồi FULRO, “TLĐG”. Tuy nhiên, tình hình an ninh nông thôn tình trạng vượt biên vẫn còn xảy ra. Tổ chức ra quân trấn áp tội phạm bảo đảm ANTT, bảo vệ Tết Nguyên đán năm 2019, các ngày Lễ lớn.

Tình hình trật tự an toàn xã hội: phạm pháp hình sự xảy ra 39 vụ (giảm 11 vụ so với cùng kỳ); vi phạm pháp luật liên quan đến trật tự quản lý Kinh tế, Chức vụ, Môi trường: phát hiện, xử lý 11 vụ (tăng 05 vụ so với cùng kỳ); phạm pháp ma túy: phát hiện, xử lý 06 vụ (tăng 02 vụ so với cùng kỳ); Tệ nạn xã hội: phát hiện và bắt giữ 07 vụ, 33 đối tượng (tăng 01 vụ so với cùng kỳ); xử phạt vi phạm hành chính 09 cơ sở cầm đồ cho vay tiền lãi xuất vượt quá 150% lãi cơ bản; Tai nạn giao thông: xảy ra 21 vụ, chết 14 người, bị thương 18 người, thiệt hại tài sản 52 triệu đồng (giảm 03 vụ, tăng 02 người chết; giảm 05 người bị thương so với cùng kỳ).

3.2. Công tác quân sự địa phương: quán triệt, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực phòng không. Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng theo Nghị định số 77/2010/NĐ-CP, Nghị định 133/2015/NĐ-CP, tổ chức tuần tra, kiểm soát giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn. Chỉ đạo công tác tổ chức triển khai thực hiện diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, thị trấn năm 2019 theo đúng Kế hoạch, đảm bảo an toàn. Cùng cố, kiện toàn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện, xã hoạt động hiệu quả; chỉ đạo chặt chẽ công tác tuyển chọn, giao 120/120 công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu, đảm bảo chất lượng, đúng luật. Khám sức khỏe cho công dân sẵn sàng nhập ngũ năm 2020; tổ chức quản lý, cử cán bộ đối tượng 3 tham gia bồi dưỡng kiến thức QP-AN tại tỉnh, quân số 40/47 đ/c, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh cho đối tượng 4, quân số tham gia đạt 100% kế hoạch. Nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng vũ trang. Tổ chức lễ ra quân huấn luyện lực lượng dân quân, quân số tham gia đạt 93,43%, huấn luyện tự

vệ các cơ quan quân số tham gia đạt 80%, huấn luyện cán bộ khung quân số tham gia đạt 87,87%. Xây dựng kế hoạch và tổ chức luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, diễn tập trên bản đồ và ngoài thực địa bảo đảm an toàn.

3.3. Công tác tiếp dân, thanh tra và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo:

Thực hiện đúng quy định về công tác thanh tra UBND huyện đã chỉ đạo tổ chức 07 cuộc thanh tra. Các Đoàn thanh tra đã thanh tra tại 10 cơ quan, đơn vị, thu hồi tiền chi sai quy định nộp Ngân sách Nhà nước 8.970.600 đồng; kiểm điểm rút kinh nghiệm 03 tập thể, 12 cá nhân.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tập trung chỉ đạo thường xuyên; kịp thời giải quyết nhiều vụ việc khiếu kiện của công dân, nhất là những vụ khiếu kiện kéo dài. Đã tiếp 346 lượt có 372 người đến. Trong đó: UBND huyện, Thanh tra huyện, các ban ngành chức năng thuộc huyện tiếp được 206 lượt với 206 người; UBND các xã, thị trấn tiếp được 140 lượt với 166 người.

Năm 2019 tiếp nhận 172 đơn (có 32 đơn năm 2018 chuyển qua). Trong đó: UBND huyện, Thanh tra huyện, các ban ngành chức năng thuộc huyện đã tiếp nhận mới 120 đơn (có 25 đơn năm 2018 trước chuyển qua); UBND các xã, thị trấn đã tiếp nhận mới 52 đơn, năm trước chuyển qua 07 đơn. Kết quả giải quyết: UBND huyện, Thanh tra huyện, các ban ngành chức năng thuộc huyện đã giải quyết được 131/145 đơn, còn 14 đơn đang tiến hành giải quyết; UBND các xã, thị trấn đã tiến hành hòa giải 54/59 đơn, còn 05 đơn đang tiến hành hòa giải.

3.4. Công tác Nội vụ: tiếp tục rà soát xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp theo quy định của Trung ương và tỉnh. Thực hiện kịp thời công tác cán bộ và chính sách đối với cán bộ, công chức như: quy hoạch, tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, điều động, nâng lương, chuyển ngạch, đào tạo cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức sắp xếp lại các trường trên địa bàn huyện¹². Tăng cường kiểm tra việc chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện. Triển khai Kế hoạch

¹² Tuyển dụng, bổ nhiệm CHT BCHQS xã Chư Don; bổ nhiệm 02 CHP BCHQS cấp xã, Chủ nhiệm Trung tâm văn hóa thể thao xã Ia Hla; bổ nhiệm, miễn nhiệm chính trị viên BCH Quân sự xã Ia Phang và xã Ia Blư; miễn nhiệm Ủy viên UBND huyện 03 trường hợp; cho thôi chức vụ và bổ sung quy hoạch CHP BCHQS xã Ia Hla; chuyển chuyển 01 công chức xã Ia Hla; cho 02 cán bộ cấp xã đến tuổi nghỉ hưu theo quy định; điều động và bố trí công tác đối với 03 Trường công an xã; cho thôi giữ chức vụ CHP BCHQS xã Ia Hlư; cho thôi giữ chức danh Phó trưởng công an xã Ia Le; xếp lương cho 05 cán bộ chuyên trách cấp xã; chuyển ngạch lương mới đối với 03 cán bộ, công chức cấp xã; nâng lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên đối với 42 cán bộ, công chức cấp xã; Cho hưởng phụ cấp đối với 02 cán bộ Bán chuyên trách cấp xã; hưởng chế độ phụ cấp thâm niên nghề đối với cán bộ Ban CHQS xã (03 người); cho 01 cán bộ cấp xã nghỉ hưu để hưởng chế độ BHXH theo quy định; Chi trả trợ cấp một lần cho công an xã theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP; Điều động 03 công chức ra khỏi biên chế hành chính nhà nước; điều động 02 viên chức giáo dục; tiếp nhận và phân công 08 viên chức tại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; tiếp nhận và bổ nhiệm 03 cán bộ lãnh đạo cơ quan, đơn vị; tiếp nhận 01 công chức LĐTĐBXH; tiếp nhận và bố trí công tác đối với 01 quân nhân xuất ngũ. Giải quyết cho 06 CCVC thôi việc theo nguyện vọng; Nâng bậc lương và PCTNVK cho 58 CCVC, NLĐ; Nâng lương PCTN cho 06 Hiệu trưởng; bổ nhiệm ngạch viên chức giáo dục 02 người; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho 01 viên chức giáo dục; tuyển dụng 04 công chức; xin ý kiến bổ nhiệm lại viên chức quản lý giáo dục; đề nghị bổ nhiệm ngạch và xếp lương lưu trữ viên; cho 05 viên chức giáo dục nghỉ hưu; thông báo nghỉ hưu 01 viên chức; Chuyển chuyển 10 viên chức giáo dục ra khỏi huyện; xin liên hệ công tác cho 04 viên chức; tinh giản biên chế theo Nghị định 108 cho 05 công chức, viên chức. Cử 629 CBCCVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại huyện, tỉnh. Trong đó: cấp xã 482 CBCC; cấp huyện 147 CBCCVC; Trường THCS Ama Trang Long thành trường Phổ thông bán trú THCS Ama Trang Long; sáp nhập Trường Mẫu giáo Hòa Mi và Mẫu giáo Hoa Hồng thành Trường Mẫu giáo Hòa Mi; Tổ chức sắp xếp, tổ chức lại Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi và Trường Tiểu học Ngô Quyền thành Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi; Tổ chức sắp xếp lại Trường Tiểu học Kpă Klong thành Trường Tiểu học và THCS Kpă Klong.

thực hiện Đề án văn hóa công sở giai đoạn 2019-2025”; chỉ đạo tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ.

Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đã tích cực hưởng ứng và phát động các phong trào thi đua sâu rộng, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương; công tác xét khen thưởng được triển khai đúng quy định đồng bộ, chặt chẽ, đúng đối tượng, đúng thành tích, kịp thời¹³; nhất là phát động phong trào thi đua kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh; kỷ niệm 10 năm thành lập Đảng bộ huyện và đón nhận Huân chương lao động hạng nhì.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện trong năm 2019 đã tiếp nhận 4.246 hồ sơ, đã giải quyết 4.143 hồ sơ, đạt 97,57%; đúng hạn 4.143 hồ sơ, đạt 100%; số hồ sơ đang giải quyết 103 hồ sơ, chiếm 2,43%. Trong năm 2019, có 297 hồ sơ được tiếp nhận và trả qua dịch vụ bưu chính công ích, 285 hồ sơ được tiếp nhận trên dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. Hiện nay các xã, thị trấn đã được đầu tư hệ thống một cửa điện tử: Kết quả Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các xã, thị trấn đã tiếp nhận 36.623 hồ sơ; đã giải quyết 36.616 hồ sơ, đạt 99,98%; đúng hạn 36.616, đạt 100% tổng số hồ sơ đã giải quyết; số hồ sơ đang giải quyết 07 hồ sơ, chiếm 0,02%. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là trong công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục có chuyển biến tích cực; tăng cường công khai thông tin lên Cổng/Trang thông tin điện tử.

Công tác tôn giáo: tình hình hoạt động của các tôn giáo diễn ra tương đối ổn định, cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật. Các nhu cầu sinh hoạt tôn giáo đều được chính quyền quan tâm, tạo điều kiện. Tổ chức thăm và tặng quà các tổ chức tôn giáo nhân dịp tết Nguyên đán Kỷ Hợi, lễ Phục sinh, Đại lễ Phật đản, Lễ An cư kiết hạ (Lễ Vu Lan) năm 2019.

3.5. Công tác Tư pháp: việc tuyên truyền, triển khai các văn bản pháp luật mới được thực hiện kịp thời. Công tác thẩm định, góp ý, xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục. Biên soạn 14 đề cương, 11 bản tin pháp luật, 02 tờ gấp pháp luật nhân bản 21.584 bản; tiếp nhận và cấp phát 1.202 sách pháp luật và 9.523 tờ gấp pháp luật cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, đội ngũ Hòa giải viên dùng làm tài liệu tuyên truyền; tổ chức 12 Hội nghị phổ biến pháp luật với 505 người tham dự và tổ chức tuyên truyền lưu động được 05 buổi cho hơn 1.500 lượt người. Tổ chức tuyên truyền miệng được 170 buổi với 13.228 lượt người tham dự; tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh không dây được 57 chương trình với 67,6 giờ phát sóng. Công tác đăng ký quản lý hộ tịch; chứng thực; xác định tình trạng hôn nhân cơ bản đáp ứng yêu cầu của nhân dân¹⁴. Tổ chức 04 Hội nghị tập huấn kỹ năng hòa giải cơ

¹³ UBND tỉnh tặng cờ thi đua cho 03 tập thể; tặng bằng khen cho 02 tập thể và 02 cá nhân; tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc cho 04 tập thể và 01 tập thể đơn vị quyết thắng; Khen thưởng 7 tập thể và 72 cá nhân đạt danh hiệu Đơn vị tiên tiến và chiến sỹ tiên tiến; Khen thưởng 231 cá nhân đạt danh hiệu LĐTT và 31 tập thể đạt danh hiệu tập thể LĐTT; khen thưởng 29 cá nhân đạt danh hiệu CSTĐCS; khen thưởng cho 6 tập thể và 07 cá nhân có thành tích trong công tác hội và phong trào thanh niên; khen thưởng cho 15 tập thể và 45 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác dân tộc; Khen chuyên đề, đột xuất cho 117 tập thể và 223 cá nhân.

¹⁴ Công tác quản lý hộ tịch: giải quyết 18 việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, 43 việc cải chính hộ tịch, 02 việc cấp bản sao, 04 việc cấp giấy khai sinh có yếu tố nước ngoài. Các xã đăng ký hộ tịch như sau: đăng ký kết hôn 566 việc, đăng ký khai sinh 1.785 việc (Trong đó: đăng ký đúng hạn 969 việc, đăng ký quá hạn 816 việc), đăng ký lại khai sinh 4.608 việc, đăng ký khai tử 333 việc, xác nhận tình trạng hôn nhân 704 việc, thay đổi cải chính 148 việc; nhận cha, mẹ, con 20 việc, đăng ký giám hộ 02 việc. Công tác chức thực: đã tiếp nhận và giải quyết chứng

sở với sự tham gia của 461 hòa giải viên; UBND xã, thị trấn thụ lý 86 việc, hòa giải thành 86 việc.

3.6. Công tác Thi hành án: Tổng số việc thụ lý 846 việc (năm trước chuyển sang 417 việc, thụ lý mới 429 việc), trong đó số có điều kiện thi hành án là 574 việc; số việc chưa có điều kiện thi hành án 271 việc; số việc đã giải quyết xong là 432 việc; số việc chuyển kỳ sau 413 việc; Tổng số tiền thụ lý là 147.596.754.000 đồng, trong đó số tiền có điều kiện thi hành là 44.927.700.000 đồng; đã giải quyết xong 18.678.073.000 đồng; số tiền chuyển sang kỳ sau là 102.208.766.000 đồng.

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng-an ninh năm 2019 được UBND huyện ban hành, chỉ đạo triển khai kịp thời ngay từ những tháng đầu năm. Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 trên địa bàn huyện được chuẩn bị chu đáo và triển khai thực hiện tốt, đảm bảo cho mọi người dân đón tết với không khí vui tươi, phấn khởi đầm ấm; hàng hóa được cung ứng đầy đủ, kịp thời đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, quan tâm đến các gia đình chính sách, người có công, đối tượng xã hội, người nghèo, việc cấp phát các khoản kinh phí hỗ trợ, gạo kịp thời; tổ chức giao quân đạt 100% kế hoạch; tổ chức Phiên chợ nông sản an toàn và Hội hoa xuân tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019; xã Ia Le đã được UBND tỉnh công nhận “xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018” hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới tại Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 22/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh; Làng Kênh Săn đã được UBND huyện công nhận làng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018. Tổ chức Hội nghị kêu gọi ủng hộ “Quỹ tám lòng vàng” để sửa chữa, xây dựng mới 37 căn nhà trên địa bàn xã Ia Rong; tổ chức Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Đảng bộ huyện (10/12/2009-10/12/2019) và đón nhận Huân chương lao động hạng Nhì; Các lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, thông tin - truyền thông, lao động việc làm tiếp tục có bước phát triển; quan tâm và chăm lo các gia đình chính sách, người có công, đối tượng xã hội cộng đồng. Công tác cải cách hành chính; tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức được quan tâm. Các vấn đề bức xúc xã hội, đơn thư khiếu nại, tố cáo được tập trung xử lý. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Tuy nhiên, trên địa bàn huyện đã xảy ra Dịch tả lợn Châu Phi, gây thiệt hại lớn đến ngành chăn nuôi của huyện, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp; công tác điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Nhơn Hoà, công trình thủy điện Ia Loup còn chậm so với tiến độ; tình trạng khai thác cát trái phép, khai thác khoáng sản vượt ra ngoài phạm vi khai thác còn diễn ra; tình hình sản xuất, kinh doanh các hợp tác xã trên địa bàn huyện vẫn còn nhiều khó khăn, chưa tìm được hướng đi đúng đắn, chưa có kế hoạch phát triển dài hạn, nên hiệu quả thấp. Công tác quản lý giáo dục của phòng Giáo dục và các trường học chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới; công tác xã hội hóa giáo dục chưa được thực hiện thường xuyên, chất lượng giáo dục đại trà gặp nhiều khó khăn, chuyển biến chậm so với yêu cầu đổi mới giáo dục, cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng, nhưng vẫn còn thiếu với yêu cầu thực tế. Một số phòng ban, đơn vị, địa phương chậm triển khai thực hiện các nhiệm vụ của UBND huyện giao; Tính chủ động trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm

của người đứng đầu một số phòng ban, đơn vị chưa cao; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn. Tình hình an ninh nông thôn tình trạng vượt biên vẫn còn xảy, phát hiện và xử lý 01 vụ sinh hoạt tôn giáo trái phép, 01 vụ có ý định xây dựng cơ sở thờ tự trái phép và 01 vụ xây dựng công trình tôn giáo trái phép; công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại của một số phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn còn chậm; tai nạn giao thông giảm số vụ, giảm số người bị thương, nhưng tăng số người chết.

B. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

I. Mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

1. Mục tiêu

Tiếp tục phát triển kinh tế ổn định và bền vững, huy động mọi nguồn lực, nâng cao năng lực nội tại kết hợp với thu hút nguồn lực từ bên ngoài. Tiếp tục phát triển nông nghiệp liên kết theo chuỗi giá trị. Nâng cao chỉ số cải cách hành chính. Tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các công trình, dự án quan trọng. Tận dụng các cơ hội phát triển của cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 để nâng cao năng suất lao động trong các ngành, lĩnh vực. Bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân; phát triển giáo dục - đào tạo gắn với sắp xếp lại mạng lưới trường lớp. Chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy quản lý nhà nước. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu kinh tế-xã hội chủ yếu của năm 2020

Trên cơ sở Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 phân đầu năm 2020 đạt được các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội như sau:

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010)	7,33%
+ Nông - Lâm nghiệp tăng:	3,03%
+ Công nghiệp - Xây dựng tăng:	11,59%
+ Thương mại - Dịch vụ tăng:	9,87%
- Cơ cấu kinh tế	
+ Nông - Lâm nghiệp:	44,70%
+ Công nghiệp - Xây dựng:	30,90%
+ Thương mại - Dịch vụ:	24,40%
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới:	01 xã
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	31,58 tỷ đồng
- Tổng chi ngân sách	347,391 tỷ đồng
- Tổng mức đầu tư toàn xã hội	1.148 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành)	42,86 triệu đồng
- Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng	69,87 triệu đồng

2.2. Các chỉ tiêu văn hóa xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên:	1,4%
- Số lao động được giải quyết việc làm:	920 lao động
- Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí hiện hành:	5,1%
- Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường:	98,30%
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học:	02 trường

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng:	18,1%
- Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng:	97%
- Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế so với tổng số dân	96,1%
- Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội:	5,15%
- Xây dựng thôn, làng văn hóa:	03 thôn, làng

2.3. Các chỉ tiêu môi trường

- Diện tích rừng trồng:	225 ha
- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh:	99%

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Tiếp tục tăng cường sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng, sự giám sát của HĐND các cấp, sự phối hợp của Mặt trận, các tổ chức Đoàn thể, tạo sự đồng thuận của nhân dân, doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Yêu cầu các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tập trung khắc phục khó khăn, khai thác tối đa tiềm năng, phát huy thế mạnh của từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa bàn; quyết tâm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ năm 2020 ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm.

Thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của UBND huyện nhiệm kỳ 2016-2021; Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động, quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Tăng cường luật, kỷ cương, hiệu quả thực thi pháp luật và sự chỉ đạo, điều hành. Thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí. Từng phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, chủ động công tác phối hợp để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND tỉnh về việc tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ; Kế hoạch số 1490/KH-UBND ngày 04/7/2019 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 1603/KH-UBND ngày 22/7/2019 về việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Gia Lai thi đua thực hiện văn hóa công sở" giai đoạn 2019-2025

Tập trung đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025; tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X.

Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức hội, đoàn thể tiếp tục triển khai có hiệu quả việc củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Tập trung tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết, chung sức, đồng lòng, thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, triển khai thực hiện sâu rộng, có hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua. Đồng thời tăng cường giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của các cấp chính quyền, nhất là trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư, chế độ, chính sách tại cơ sở.

2. Lĩnh vực kinh tế

2.1. Tạo chuyển biến mạnh trong phát triển, liên kết theo chuỗi giá trị. Áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm. Xây dựng các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện sản xuất từng vùng, từng địa phương. Đẩy mạnh việc thực hiện cơ giới hóa nhằm thực hiện có hiệu quả kế hoạch phát triển cánh đồng lớn, tiếp tục thực hiện tái canh cây cà phê, tưới tiết kiệm nước, chuyển đổi cơ cấu cây trồng...; tập trung thực hiện công tác quản lý giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng nông sản. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư phát triển các dự án chăn nuôi trên địa bàn huyện nhằm phát huy tiềm lực, lợi thế của địa phương, nâng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp. Tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp ngăn chặn, phòng chống dịch tả lợn Châu Phi không để lây lan; khôi phục sản xuất.

2.2. Triển khai quyết liệt, có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng; kiểm soát chặt chẽ các dự án có khả năng ảnh hưởng đến rừng, đất rừng; tăng cường kiểm tra hoạt động khai thác, chế biến gỗ, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm. Kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị chủ rừng tập trung chăm sóc và trồng rừng sản xuất, trồng rừng thay thế, trồng cây phân tán, đảm bảo hoàn thành kế hoạch; tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia trồng rừng; vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng. Chủ động triển khai tốt các phương án phòng cháy chữa cháy rừng.

2.3. Tập trung huy động, lồng ghép các nguồn lực, triển khai các giải pháp có hiệu quả, phù hợp với điều kiện địa phương để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 13/02/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số; tiếp tục duy trì và nâng cao các tiêu chí đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị gắn với phát triển hợp tác xã. Triển khai xây mô hình nông hội.

2.4. Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai. Quản lý chặt chẽ đất đai, nhất là đất các công ty được nhà nước giao đất, cho thuê đất để triển khai các dự án. Triển khai lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021. Tiếp tục xây dựng danh mục các vị trí đất với thông tin cụ thể, triển khai đồng bộ công tác giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư. Kiên quyết ngăn chặn, xử lý tình trạng khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép. Thực hiện có hiệu quả phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn huyện. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.5. Chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất tiểu thủ công nghiệp, tập trung thực hiện các giải pháp kiểm soát giá, tránh tích tụ nâng giá. Tổ chức tốt thị trường lưu thông hàng hóa, đảm bảo cung cầu hàng hóa, các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân. Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý giá cả, thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại. Trước mắt tập trung thực hiện tốt kế hoạch cung ứng hàng hóa phục vụ Tết Nguyên đán Canh Tý 2020. Tăng cường phối hợp công tác quản lý thị trường, kiểm tra, kiểm soát, chống các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm, ổn định thị trường giá cả.

2.6. Triển khai các giải pháp huy động các nguồn lực để đầu tư, trong điều

kiện nguồn vốn đầu tư từ ngân sách hạn chế. Phân đầu tổng mức đầu tư toàn xã hội trên địa bàn năm 2020 đạt 1.148 tỷ đồng. Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống các công trình giao thông nông thôn; các dự án đầu tư cho giáo dục - đào tạo, y tế...Đối với các dự án khởi công mới năm 2020 phải hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, dự toán, thiết kế ngay để khởi công, thực hiện ngay từ đầu năm 2020.

2.7. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách, tiếp tục thực hiện triệt để tiết kiệm chi, nhất là các khoản chi thường xuyên, các khoản chi liên quan đến mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền; giảm tối đa kinh phí hội nghị, hội thảo, tham quan giao lưu học hỏi kinh nghiệm. Chủ động đề ra các giải pháp thực hiện quyết liệt, phân đầu hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020. Thực hiện nghiêm các kết luận của Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước.

3. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

3.1. Tăng cường quản lý chỉ đạo việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh; quản lý chặt chẽ việc dạy thêm, học thêm theo đúng quy định. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho giáo viên và học sinh, đặc biệt đối với học sinh bán trú ở vùng dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn. Đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Duy trì, giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học đúng độ tuổi và trung học cơ sở. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Đẩy mạnh xã hội hóa để huy động các nguồn lực của xã hội; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

3.2. Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế cơ sở, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra. Triển khai thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020. Đẩy mạnh xã hội hóa ngành y tế, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh. Thực hiện tốt quy tắc ứng xử trong bệnh viện, hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác cải cách TTHC trong khám chữa bệnh. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ cho khám, chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh khi có thiên tai xảy ra. Triển khai thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020. Tăng cường công tác kiểm tra an toàn thực phẩm, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm.

3.3. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị; tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ. Quản lý tốt các hoạt động tổ chức lễ hội, biểu diễn nghệ thuật. Đa dạng hóa các hoạt động thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của các tầng lớp nhân dân. Tổ chức các Hội thi, các giải đấu thể thao, văn nghệ và tham gia đầy đủ các hoạt động văn hoá văn nghệ thể thao do tỉnh tổ chức. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực văn hoá. Tăng cường, đổi mới chất lượng tin, bài viết và các chuyên mục phát thanh, truyền hình phát trên sóng Truyền thanh - Truyền hình huyện và gửi tỉnh, phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền của Đài truyền thanh cơ sở.

3.4. Thực hiện các chính sách giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động, chú trọng tạo việc làm ổn định, cải thiện môi trường và điều kiện lao động; mở rộng thị trường xuất khẩu lao động. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo gắn với giải quyết việc làm. Tiếp tục thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Xây dựng kế hoạch vận động, đóng góp xây dựng Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”. Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội. Huy động toàn bộ hệ thống chính trị, mọi nguồn lực thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo, phân đầu giảm tỷ lệ hộ

nghèo theo kế hoạch đề ra. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tăng cường công tác phòng, chống đuối nước và bạo lực, xâm hại trẻ em.

3.5. Thực hiện tốt các chính sách tôn giáo, dân tộc; phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, chức sắc tôn giáo trong cộng đồng; tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật của nhà nước trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số triển khai thực hiện đúng cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất, đời sống đối với đồng bào các dân tộc thiểu số.

3.6. Tăng cường công tác tuyên truyền và phổ biến chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, nâng cao nhận thức của người dân về quyền lợi khi tham gia bảo hiểm y tế; tuyên truyền sử dụng thẻ bảo hiểm y tế trong công tác khám chữa bệnh. Kiểm tra công tác cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được Ngân sách nhà nước hỗ trợ.

4. Lĩnh vực nội chính

4.1. Tăng cường thực hiện nghiêm quy chế làm việc, đảm bảo chế độ thông tin đề cấp ủy Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, Mặt trận giám sát và các ngành chuyên môn chủ động triển khai thực hiện. Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế, bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp theo quy định của Trung ương, của tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

4.2. Tiếp tục thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính tránh gây phiền hà cho nhân dân; thực hiện Bộ Chỉ số CCHC, triển khai xây dựng, chuyển đổi hệ thống quy trình ISO 9001:2008 sang hệ thống ISO 9001:2015 cấp huyện, cấp xã; tiếp nhận và trả kết quả “một cửa điện tử cấp huyện”, “một cửa liên thông” và dịch vụ bưu chính công ích; thực hiện chuyển giao Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC từ Văn phòng HĐND-UBND huyện sang Bưu điện huyện. Cải cách mạnh mẽ TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp.

4.3. Chủ động giải quyết kịp thời các vụ việc an ninh nông thôn, tranh chấp, khiếu kiện trong dân, nhất là các vụ việc có dấu hiệu phức tạp, kéo dài; các hoạt động xây dựng, coi nới cơ sở thờ tự trái pháp luật. Thực hiện nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm đối với các đối tượng lợi dụng việc tố cáo để vu khống, xúc phạm.

4.4. Đề nghị cơ quan thi hành án tập trung rà soát, phân loại án dân sự, làm tốt công tác xác minh điều kiện thi hành án nhằm thi hành kịp thời, chính xác các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực.

4.5. Chỉ đạo các lực lượng tăng cường bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình, tuần tra, kiểm soát địa bàn, đấu tranh vô hiệu hóa mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, bọn phản động, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội. Tích cực vận động, tuyên truyền, đấu tranh, bóc gỡ các điểm nhóm phục hồi FULRO, “Tin lành Degar”; triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, hoạt động lôi kéo người DTTS trốn sang Campuchia, Thái Lan; Thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm theo từng chuyên đề, nhất là tội phạm đòi nợ thuê, tín dụng đen, cho vay nặng lãi. Triển khai quyết liệt các biện pháp để đấu tranh, ngăn chặn tội phạm ma

túy, mua bán người, trẻ em. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

4.6. Phân đầu kéo giảm tai nạn giao thông trong năm 2020 ở cả 3 tiêu chí. Công an huyện, Phòng Kinh tế-Hạ tầng, UBND các xã, thị trấn huy động tối đa các lực lượng chức năng, thường xuyên tuần tra lưu động, kiểm soát, xử lý vi phạm, đặc biệt là các chuyên đề về kiểm soát tải trọng phương tiện, xử lý vi phạm nồng độ cồn, vi phạm tốc độ, máy kéo nhỏ kéo rơ moóc chở người lưu thông trên quốc lộ; tập trung xử lý các lỗi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn giao thông, trong khung giờ thường xảy ra tai nạn giao thông. Tăng cường xử lý tình trạng lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ.

4.7. Duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực chỉ huy, trực ban, phân đội trực chiến từ huyện đến các xã, thị trấn, nắm chắc tình hình ANCT trên địa bàn. Quán triệt sâu sắc, thực hiện hiệu quả Nghị quyết lãnh đạo năm 2020 của Quân ủy Trung ương, chủ động, nhạy bén nắm, dự báo sớm và đánh giá đúng tình hình, kịp thời xử lý thắng lợi các tình huống quân sự, quốc phòng, không để bị động bất ngờ. Chỉ đạo chặt chẽ công tác tuyển chọn, giao quân năm 2020 đạt 100% chỉ tiêu, đảm bảo chất lượng, đúng luật. Nâng cao chất lượng huấn luyện cho các lực lượng đáp ứng yêu cầu tác chiến trong điều kiện mới.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ANQP năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch năm 2020. UBND huyện báo cáo UBND tỉnh, Thường trực Huyện ủy biết, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Sở Tài chính; Cục Thống kê tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, UBMTTQ huyện;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy;
- Các Ủy viên UBND huyện;
- Các Phòng ban, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, các CV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Rah Lan Lân

Người ký:
Ủy ban Nhân
dân huyện
Chư Pưh
Email:
ubndchupuh
@gialai.gov.
vn
Cơ quan:
Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký:
10/12/2019
14:38:52
+07:00

BẢNG ĐÁNH GIÁ
VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỦA NGHỊ QUYẾT HĐND HUYỆN
(Kèm theo Báo cáo số 499/BC-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Chư Pưh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019		
			Kế hoạch năm 2019	Ước TH năm 2019	Đạt, không đạt so với NQ
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ				
1	Tốc độ tăng giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010)	%	7,52	6,01	Không đạt
-	Nông lâm nghiệp	%	4,20	3,03	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	10,14	11,59	
-	Thương mại-Dịch vụ	%	10,73	9,87	
2	Cơ cấu kinh tế				
-	Nông lâm nghiệp	%	46,25	46,1	Đạt
-	Công nghiệp - xây dựng	%	29,63	30,0	Vượt
-	Thương mại-Dịch vụ	%	24,12	24,0	Không đạt
3	Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng	42,7	40,33	Không đạt
4	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	01	01	Đạt
5	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	34,086	34,62	Vượt
6	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	378,77	352,98	Không đạt
7	Tổng mức đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	1.050,3	1.129	Vượt
8	Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng	Triệu đồng	83,61	80,1	Không đạt
II	CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI				
9	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,43	1,43	Đạt
10	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	900	920	Vượt
11	Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí hiện hành	%	8,06	6,8	Vượt
12	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường	%	98	98,18	Vượt
13	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học	Trường	02	02	Đạt
14	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm	%	19,1	18,65	Vượt
15	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng	%	97	97	Đạt
16	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế so với tổng số dân	%	95,8	95,9	Đạt
17	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội	%	5	5,02	Đạt
18	Xây dựng thôn, làng văn hóa	thôn làng	02	02	Đạt
III	CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG				
19	Diện tích rừng trồng	ha	220	220	Đạt
20	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99	99	Đạt

CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ KINH TẾ-XÃ HỘI- MÔI TRƯỜNG NĂM 2020

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		KH năm 2020	Tỷ lệ so sánh (%)			Đạt/Không đạt so với NQ
				Kế hoạch	Thực hiện		ƯTH 2019/TH2018	ƯTH 2019/KH 2019	KH 2020/ƯTH 2019	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ									
1	Giá trị sản xuất									
a	Tổng sản phẩm trong huyện	<i>Tỷ đồng</i>	3.179,48	3.417,99	3.370,70	3.617,86	106,01	98,62	107,33	Không đạt
	(Giá so sánh 2010)									
-	Nông, lâm nghiệp và Thủy sản	<i>Tỷ đồng</i>	1.479,14	1.540,53	1.502,11	1.547,67	101,55	97,51	103,03	
-	Công nghiệp - XDCB	<i>Tỷ đồng</i>	904,15	995,82	998,45	1.114,21	110,43	100,26	111,59	
-	Thương mại - Dịch vụ	<i>Tỷ đồng</i>	796,19	881,64	870,14	955,98	109,29	98,70	109,87	
b	Tổng sản phẩm trong huyện	<i>Tỷ đồng</i>	4.680,47	5.098,71	4.992,21	5.398,82	106,66	97,91	108,14	Không đạt
	(Giá Thực tế)									
-	Nông, lâm nghiệp và Thủy sản	<i>Tỷ đồng</i>	2.230,80	2.358,23	2.299,55	2.414,68	103,08	97,51	105,01	
-	Công nghiệp - XDCB	<i>Tỷ đồng</i>	1.354,39	1.510,57	1.495,65	1.669,05	110,43	99,01	111,59	
-	Thương mại - Dịch vụ	<i>Tỷ đồng</i>	1.095,28	1.229,91	1.197,01	1.315,09	109,29	97,33	109,86	
*	Cơ cấu ngành		100,00	100,00	100,00	100,00				
-	Nông, lâm nghiệp và Thủy sản	%	47,66	46,25	46,06	44,70				Không đạt
-	Công nghiệp - XDCB	%	28,94	29,63	29,96	30,90				Vượt
-	Thương mại - Dịch vụ	%	23,40	24,12	23,98	24,40				Không đạt
2	DT gieo trồng	<i>Ha</i>	23.755,00	23.878,00	23.879,50	32.556,00	100,52	100,01	136,33	Vượt
	Trong đó: Lúa Đông xuân	<i>Ha</i>	700,00	700,00	700,00	700,30	100,00	100,00	100,04	đạt
3	Giá trị sản phẩm trên 1 ha	<i>triệu đồng</i>	83,52	83,61	80,10	69,87	95,91	95,80	87,23	Không đạt
4	Thu nhập bình quân đầu người	<i>triệu đồng</i>	41,04	42,70	40,33	42,86	98,27	94,45	106,27	Không đạt
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	<i>Tỷ đồng</i>	675,02	734,80	723,50	786,21	107,18	98,46	108,67	Không đạt
6	Thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố (không tính kết dư chuyển nguồn)	<i>Tỷ đồng</i>	381,97	359,029	359,56	343,746	94,13	100,15	95,60	Vượt
-	Thu NS huyện, thị xã, TP	<i>Tỷ đồng</i>	27,62	34,086	34,62	31,58	125,33	101,57	91,21	Vượt
-	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	<i>Tỷ đồng</i>	276,17	296,66	278,26	296,66	100,76	93,80	106,61	Không đạt
7	Chi ngân sách địa phương	<i>Tỷ đồng</i>	377,58	378,770	352,98	347,391	93,48	93,19	98,42	Không đạt
a	Chi đầu tư phát triển do huyện, thị xã, thành phố quản lý	<i>Tỷ đồng</i>	33,14	28,83	28,83	39,84	86,99	100,00	138,19	Đạt
	Trong đó:	<i>Tỷ đồng</i>								
-	Vốn cân đối NS huyện, thị xã, thành phố (vốn phân cấp)	<i>Tỷ đồng</i>	11,80	11,80	11,80	11,80	100,00	100,00	100,00	Đạt
-	Từ nguồn thu tiền SD đất	<i>Tỷ đồng</i>	21,16	17,00	17,00	28,00	80,34	100,00	164,71	Đạt
-	Chi 30% thu tiền thuê đất chuyển về tỉnh	<i>Tỷ đồng</i>	0,13	0,032	0,03	0,04	24,62	100,00	125,00	Đạt
b	Chi thường xuyên	<i>Tỷ đồng</i>	241,90	329,764	303,97	307,46	125,66	92,18	101,15	Không đạt
8	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	<i>Tỷ đồng</i>	973,00	1.048,00	1.129,00	1.148,00	116,03	107,73	101,68	Vượt
	Trong đó: Ngân sách nhà nước	<i>Tỷ đồng</i>	113,237	55,944	104,57	60,28	92,35	186,92	57,65	Vượt
II	VĂN HÓA-XÃ HỘI									
1	Dân số trung bình	Người	73.962,00	75.341,00	78.680,00	80.134,00	106,38	104,43	101,85	Vượt
*	Tốc độ tăng tự nhiên	%	1,45	1,43	1,43	1,40				Đạt
2	Giải quyết việc làm cho lao động mới	người	1.120,00	900,00	920,00	920,00	82,14	102,22	100,00	Vượt
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đủ liều	%	95,00	97,00	97,00	97,00	102,11	100,00	100,00	Đạt
4	Tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng	%	19,70	19,10	18,65	18,10				Vượt
5	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ	%	78,00	88,89	89,00	89,00	114,10	100,12	100,00	Đạt
6	Tỷ lệ người tham gia BHYT so với tổng số dân	%	95,00	95,80	95,90	96,10	100,95	100,10	100,21	Đạt
7	Tỷ lệ người tham gia BHXH	%	4,59	5,00	5,04	5,02	109,80	100,80	99,60	Đạt
8	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường	%	98,00	98,00	98,18	98,30	100,18	100,18	100,12	Vượt
9	Duy trì sĩ số học sinh	%	99,20	99,50	99,50	99,60	100,30	100,00	100,10	Đạt
10	Xây dựng trường chuẩn quốc gia	trường	4,00	2,00	2,00	2,00	50,00	100,00	100,00	Đạt
11	Xây dựng công sở văn hoá	công sở	5,00	2,00	5,00	2,00	100,00	250,00	40,00	Vượt
12	Thôn, làng đạt chuẩn văn hóa	thôn, làng	2,00	2,00	2,00	3,00	100,00	100,00	150,00	Đạt

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		KH năm 2020	Tỷ lệ so sánh (%)			Đạt/Không đạt so với NQ
				Kế hoạch	Thực hiện		ƯTH 2019/TH2018	ƯTH 2019/KH 2019	KH 2020/ƯTH 2019	
13	Số xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã, TT	9,00	9,00	9,00	9,00	100,00	100,00	100,00	Đạt
14	Số hộ nghèo	hộ	1.667,00	1.324,00	1.318,00	1.158,00	79,06	99,55	87,86	Vượt
15	Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới hiện nay	%	10,20	8,06	6,80	5,10	66,67	84,37	75,00	Vượt
16	Tỷ lệ che phủ rừng (kể cả cây cao su)	%	25,20	25,20	25,20	25,20	100,00	100,00	100,00	Đạt
17	Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý	%	87,00	89,00	89,00	90,00	102,30	100,00	101,12	Đạt
18	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	%	80,00	83,00	83,00	85,00	103,75	100,00	102,41	Đạt
19	Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	%	98,70	99,00	99,00	99,00	100,30	100,00	100,00	Đạt
20	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	1,00	1,00	1,00	1,00	100,00	100,00	100,00	Đạt
21	Kế hoạch trồng rừng	ha	294,40	220,00	220,00	225,00	74,73	100,00	102,27	Đạt
22	Số giờ phát sóng, phát thanh	giờ	15.330,00	15.330,00	15.330,00	15.330,00	100,00	100,00	100,00	Đạt
23	Số giờ phát sóng truyền hình	giờ	5.400,00	5.400,00	5.400,00	5.400,00	100,00	100,00	100,00	Đạt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH ƯỚC THỰC HIỆN ĐẾN 31/12/2019

(có tính tiền đất)

(Kèm theo Báo cáo số: ~~49~~⁹⁹BC-UBND ngày ~~10~~¹² tháng ~~12~~¹² năm 2019 của UBND huyện Chư Pưh)

TT	Nội dung	KH TỈNH GIAO	KH HUYỆN GIAO	Ước thực hiện đến 31/12/2019	So sánh KH (31/12)	
					KH tỉnh (%)	KH huyện (%)
	Tổng thu ngân sách	350.973.959	359.029.959	359.565.607	102,45	100,15
I	Thu tại địa bàn	26.030.000	34.086.000	34.621.648	133,01	101,57
	<i>Trừ tiền đất dự án tỉnh</i>	<i>26.030.000</i>	<i>34.086.000</i>	<i>34.621.648</i>	133,01	101,57
1	Thu trong cân đối	26.030.000	34.086.000	34.459.937	132,39	101,10
	<i>Trong đó: Chi cục thuế thu</i>	<i>13.200.000</i>	<i>14.200.000</i>	<i>14.468.226</i>	109,61	101,89
1.1	Thu từ khu vực CTN NQD	4.970.000	5.865.000	5.778.624	116,27	98,53
-	Thuế VAT và TNDN	4.460.000	5.295.000	4.892.541	109,70	92,40
-	Thuế môn bài					
-	Thuế tài nguyên	390.000	400.000	738.295	189,31	184,57
-	Thu khác về thuế	120.000	120.000	141.056	117,55	117,55
-	Thuế TTĐB	-	50.000	6.732		13,46
1.2	Thuế SD đất NN(NQD)	-	-	8.089		
1.3	Thuế nha đất phi nông nghiệp	-	-	850		
1.4	Thu phí và lệ phí	1.140.000	1.140.000	1.746.179	153,17	153,17
1.5	Lệ phí trước bạ	2.800.000	2.800.000	2.351.397	83,98	83,98
1.6	Thuế thu nhập cá nhân	3.750.000	3.855.000	3.087.246	82,33	80,08
1.7	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	540.000	540.000	1.657.552	306,95	306,95
1.8	Thu tiền sử dụng đất	10.000.000	17.000.000	17.000.000	170,00	100,00
-	Dự án do ngân sách huyện đầu tư và thu từ các TC KT	10.000.000	17.000.000	17.000.000	170,00	100,00
1.9	Thu khác ngân sách	2.830.000	2.886.000	2.830.000	100,00	98,06
-	Xử phạt vi phạm HC và thu	1.490.000	1.490.000	1.490.000	100,00	100,00
-	Thu ND 46/CP	1.340.000	1.396.000	1.340.000	100,00	95,99
2	Các khoản thu thông qua ngân sách		0	161.711		
-	Tiền bán lâm sản tịch thu			161.711		
II	Thu chuyển nguồn	29.492.959	29.492.959	29.492.959	100,00	100,00
III	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	295.451.000	295.451.000	295.451.000	100,00	100,00

BÁO CÁO CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

STT	Nội dung	Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện 31/12/2019	SS KH tỉnh đến 31/12/2019 (%)	SS KH huyện đến 31/12/2019 (%)
A	TỔNG CHI NS ĐP	310.936.000	378.778.897	352.985.397	113,52%	93,19%
I	Chi đầu tư phát triển	21.832.000	28.832.000	28.832.000	132,06%	100,00%
II	Chi thường xuyên	289.104.000	329.764.313	303.970.813	105,14%	92,18%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	-	10.722.000	10.722.000		100,00%
2	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.750.000	5.185.000	5.185.000	138,27%	100,00%
3	Chi sự nghiệp khoa học CN	350.000	350.000	350.000	100,00%	100,00%
4	Chi SN giáo dục - ĐT	173.801.800	180.039.600	165.039.600	94,96%	91,67%
6	Chi sự nghiệp VH TT		1.588.690	1.588.690		100,00%
7	Chi sự nghiệp TDTT		327.766	327.766		100,00%
8	Đài truyền thanh Truyền hình		1.079.000	1.079.000		100,00%
9	Chi quản lý hành chính		35.985.369	35.985.369		100,00%
10	Chi an ninh		1.105.272	1.105.272		100,00%
11	Chi quốc phòng		3.207.616	3.207.616		100,00%
12	Chi đảm bảo xã hội	10.866.000	11.306.000	11.306.000	104,05%	100,00%
13	Các nhiệm vụ chi khác, các khoản chi khác theo quy định của PL		2.010.500	2.010.500		100,00%
14	Chi bổ sung ngân sách cấp xã		66.064.000	66.064.000		100,00%
III	Chi nộp ngân sách cấp trên	-	20.182.584	20.182.584		100,00%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN XÂY DỰNG CƠ BẢN HUYỆN CHƯ PƯH NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày /12/2019 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	TMBT	KH NĂM 2019	Thực hiện năm 2019				GHI CHÚ
					Khối lượng thực hiện		Khối lượng giải ngân		
					Khối lượng	Đạt (%)	Khối lượng	Đạt (%)	
	TỔNG CỘNG		310.180	111.797	113.293	101,34	111.237	99,50	
I	Ngân sách Trung ương		107.300	13.739	13.739	100,00	13.739	100,00	
1	Đường liên xã huyện Chư Pưh	Huyện Chư Pưh	80.000	12.000	12.000	100,00	12.000	100,00	Năm 2018 đã bố trí 7 tỷ đồng
2	Trả nợ Dự án ổn đầu tư ổn định dân di cư tự do huyện Chư Pưh	Huyện Chư Pưh	27.300	1.739	1.739	100,00	1.739	100,00	dự án đã hoàn thành, thu hồi kinh phí tạm ứng
II	Ngân sách tỉnh		98.650	36.350	34.850	95,87	36.350	100,00	
1	Đường nội thị huyện Chư Pưh	TT Nhơn Hòa	44.500	12.000	12.000	100,00	12.000	100,00	Năm 2018 đã bố trí 15,4 tỷ đồng
2	Nhà làm việc các phòng ban huyện Chư Pưh	TT Nhơn Hòa	9.000	9.000	9.000	100,00	9.000	100,00	
3	Đường 6C (đoạn từ xã Ia Hnú đi xã Ia Dreng), huyện Chư Pưh	Huyện Chư Pưh	28.000	5.500	0		5.500	100,00	Lập thủ tục đầu tư 500 triệu đồng, 5 tỷ động tạm ứng
4	Nâng cấp, sửa chữa đường từ TT Nhơn Hòa đi xã H'Bông, đoạn từ thôn Hòa Bình đến làng Tông Will	Huyện Chư Pưh	7.800	4.500	4.500	100,00	4.500	100,00	
5	Xây dựng nhà ăn, nhà ở học sinh Trường THCS Ama Trang Long	xã Ia Hla	6.600	2.600	6.600	253,85	2.600	100,00	Đủ đủ điều kiện XD trường bán trú
6	Xây dựng nhà bộ môn Trường Nguyễn Huệ	xã Ia Dreng	2.750	2.750	2.750	100,00	2.750	100,00	
III	Vốn xổ số kiến thiết		5.000	4.400	4.400	100,00	4.400	100,00	
1	Thư viện huyện	TT Nhơn Hòa	5.000	4.400	4.400	100,00	4.400	100,00	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	TMDT	KH NĂM 2019	Thực hiện năm 2019				GHI CHÚ
					Khối lượng thực hiện		Khối lượng giải ngân		
					Khối lượng	Đạt (%)	Khối lượng	Đạt (%)	
IV	Nguồn tỉnh phân cấp		23.601	11.800	11.000	93,22	11.800	100,00	
1	Cây xanh, dải phân cách, điện chiếu sáng dọc quốc lộ 14	Thị trấn Nhơn Hòa	9.995	6.385	6.385	100,00	6.385	100,00	Năm 2018 đã bố trí 3,610 triệu đồng
2	Nhà đa năng Trường Trần Phú, xã Ia Le (Chuyển nguồn sang trường Phan Bội Châu, xã Ia H'rú)	Xã Ia Le	2.969	1.000			1.000	100,00	Chuyển sang trả nợ Công trình Vía hè
3	Vía hè dọc QL 14, thị trấn Nhơn Hòa	Thị trấn Nhơn Hòa	9.837	3.615	3.615	100,00	3.615	100,00	
4	Vốn chuẩn bị đầu tư	huyện Chư Puh	300	300			300	100,00	Chuyển sang trả nợ Công trình Đài tưởng niệm và Công trình Nhà tiếp dân và một cửa huyện
5	Dự phòng		500	500			500	100,00	
V	NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT		29.334	13.188	13.184	99,97	12.628	95,75	
1	Xây dựng nhà học 08 phòng, nhà hiệu bộ, thư viện Trường TH Trần Quốc Toàn	xã Ia H'rú	3.889	2.258	2.158	100,00	2.158	100,00	Giảm trừ quyết toán thấp hơn Kế hoạch
2	Trả nợ Nhà tiếp dân và một cửa huyện Chư Puh	TT Nhơn Hòa	4.100	1.770	1.770	100,00	1.770	100,00	năm 2017-2018 đã bố trí 2.229,698 đồng
3	Chi xây dựng thôn Kênh Săn, xã Ia Le đạt chuẩn Nông thôn mới		2.733	2.500	2.500	100,00	2.500	100,00	
	- Đường GT từ nhà Siu Rung đến nhà Nhang Alo		672	571	571	100,00	571	100,00	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	TMDT	KH NĂM 2019	Thực hiện năm 2019				GHI CHÚ
					Khối lượng thực hiện		Khối lượng giải ngân		
					Khối lượng	Đạt (%)	Khối lượng	Đạt (%)	
	- Đường GT từ nhà Nguyễn Đình Lộc đến nhà Siu Anhen	Xã Ia Le	409	348	348	100,00	348	100,00	Xây dựng làng đạt chuẩn nông thôn mới
	- Đường GT từ nhà Phan Tế Nhị đến nhà Siu Trun		364	364	364	100,00	364	100,00	
	- Đường GT từ nhà Nguyễn Thị Bé đến nhà Phan Viết Tùng		347	347	347	100,00	347	100,00	
	- Đường GT từ nhà Siu Plong đến nhà Robam Pher		336	336	336	100,00	336	100,00	
	- Đường GT từ nhà Cao Phong Bình đến nhà Rmah Men		475	404	404	100,00	404	100,00	
	- XD cổng làng văn hóa và các HM phụ thôn Kênh Săn		130	130	130	100,00	130	100,00	
4	Trả nợ Nhà bia tường niệm xã Ia Hla	Xã Ia Hla	1.100	500	500	100,00	500	100,00	Năm 2018 đã bố trí 500 triệu đồng
5	Đầu tư xây dựng các trường chuẩn quốc gia	huyện Chư Puh	1.100	1.000					Chuyển sang đầu tư năm 2020
6	Xây dựng chợ xã Ia Le	Xã Ia Le	9.900	1.000	3.096	309,60	1.740	174,00	
7	Xây dựng chợ xã Ia Hla	Xã Ia Hla	3.352	1.000	200	20,00	1.000	100,00	
8	Trích lại cho các xã xây dựng nông thôn mới		2.960	2.960	2.960	100,00	2.960	100,00	
	- Sửa chữa HT phát thanh xã Ia Phang	xã Ia Phang	70	70	70	100,00	70	100,00	
	- Xây dựng mới cổng chào các thôn làng xã Ia Phang		60	60	60	100,00	60	100,00	
	- Xây mới hồ rác xử lý rác thải xã Ia Phang		50	50	50	100,00	50	100,00	
	- Đường từ xã Ia Rong đi qua QL25	xã Ia Rong	480	480	480	100,00	480	100,00	
	- Đường GTNT thôn Tung Dao	Xã Ia Dreng	408	408	408	100,00	408	100,00	
	- Đường GTNT thôn Cây Xoài	Xã Ia Hla	1060	1060	1060	100,00	1060	100,00	
	- Đường GTNT thôn 6C		60	60	60	100,00	60	100,00	
	- Nhà vệ sinh UBND xã Ia Blư	Xã Ia Blư	90	90	90	100,00	90	100,00	
	- Bể chứa rác thải rắn 6 thôn		42	42	42	100,00	42	100,00	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	TMDT	KH NĂM 2019	Thực hiện năm 2019				GHI CHÚ
					Khối lượng thực hiện		Khối lượng giải ngân		
					Khối lượng	Đạt (%)	Khối lượng	Đạt (%)	
	- Trả nợ Nhà văn hóa thôn Thông B	Xã Ia Hnú	35	35	35	100,00	35	100,00	
	- Đường GT thôn Tao Chor B		125	125	125	100,00	125	100,00	
	- Đường GT Thờ Ga A đi Thờ Ga B	Xã Chư Don	80	80	80	100,00	80	100,00	
	- Cổng hàng rào sân vận động xã	Xã Ia Le	400	400	400	100,00	400	100,00	
9	Vốn chuẩn bị đầu tư	huyện Chư Pưh	200	200					
VI	KINH PHÍ HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA		3.100	2.844	2.844	100,00	2.844	100,00	
1	Đường giao thông nội đồng vào cánh đồng Tung Dao	xã Ia dreng	1.500	1.400	1.400	100,00	1.400	100,00	
2	Đường giao thông nội đồng vào cánh đồng Tung Chrêh	xã Ia dreng	1.600	1.444	1.444	100,00	1.444	100,00	
VII	Nguồn kiến thiết thị chính		3.176	5.274	5.274	100,00	5.274	100,00	
1	Via hè dọc QL 14, thị trấn Nhon Hòa	Thị trấn Nhon Hòa		2.098	2.098	100,00	2.098	100,00	
2	Cây xanh, via hè dọc QL 14, thị trấn Nhon Hòa	Thị trấn Nhon Hòa	2.562	2.562	2.562	100,00	2.562	100,00	
3	Giếng khoan tưới cây xanh dải phân cách dọc QL 14, thị trấn Nhon Hòa	Thị trấn Nhon Hòa	614	613,6	613,6	100,00	613,6	100,00	
VII I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG		8.245,0	8.004,0	8004	100,00	8.004,0	100,00	
1	Đường giao thông 6C đi thôn Tông Kết	xã Ia Hla	1.089,0	1.069,0	1069	100,00	1069	100,00	
2	Đường GTNT Tung Blai (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Châu đi thôn Tung Neng)	xã Ia Dreng	599,0	569,0	569	100,00	569	100,00	
3	Đường GTNT Tung Blai (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Khoa đi thôn Tung Dao)		526,0	500,0	500	100,00	500	100,00	
4	Nhà văn hóa thôn Tao Klăl	xã Ia Rong	410,0	400,0	400,0	100,00	400,0	100,00	
5	Nhà văn hóa thôn Ia Sâm		410,0	400,0	400,0	100,00	400,0	100,00	
6	Đường GTNT thôn Betel		712,0	697,0	697,0	100,00	697,0	100,00	tính đối ứng 428 triệu

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	TMDT	KH NĂM 2019	Thực hiện năm 2019				GHI CHÚ
					Khối lượng thực hiện		Khối lượng giải ngân		
					Khối lượng	Đạt (%)	Khối lượng	Đạt (%)	
7	Đường giao thông thôn Thờ Ga B	xã Chư Don	704,0	669,0	669,0	100,00	669,0	100,00	
8	Nhà văn hóa thôn Thờ Ga B		421,0	400,0	400,0	100,00	400,0	100,00	
9	Đường giao thông làng Cha Pông đi làng Chư Pố I	xã Ia Phang	310,0	300,0	300	100,00	300	100,00	
10	Đường giao thông trước nhà văn hóa thôn Plei Phung B đi nghĩa địa thôn Plei Phung B		310,0	300,0	300	100,00	300	100,00	
11	Đường giao thông làng Kuai	xã Ia Blứ	204,0	200,0	200	100,00	200	100,00	
12	Đường giao thông làng Ia Brêl	Xã Ia Le	410,0	400,0	400,0	100,00	400,0	100,00	
13	Đường giao thông làng Ia Toong		410,0	400,0	400,0	100,00	400,0	100,00	
14	Đường giao thôn thôn Puối B đi QL14		305,0	300,0	300,0	100,00	300,0	100,00	tính đối ứng 300 triệu
15	Đường giao thông làng Plei Hrai Dong I	TT Nhơn Hòa	405,0	400,0	400,0	100,00	400,0	100,00	
16	Đường giao thông làng Plei Hrai Dong II		405,0	400,0	400,0	100,00	400,0	100,00	
17	Đường giao thông thôn Thông B (đoạn nhà văn hóa thôn đến Trường THCS Phan Bội Châu)	xã Ia Hứ	205,0	200,0	200	100,00	200	100,00	
18	Đường giao thông thôn Luh Ngó- Luh Rưng (đoạn nối tiếp)		410,0	400,0	400	100,00	400	100,00	
IX	CHƯƠNG TRÌNH MTQG NÔNG THÔN MỚI (NSTW)		19.463,1	10.640,0	10640	100,00	10.640,0	100,00	
1	Nhà văn hóa, phòng chức năng xã Ia Rong	xã Ia Rong	1.970,0	493,0	493	100,00	493	100,00	
2	Xây dựng bể chứa rác thải, bao bì thực vật		36,8	35,0	35	100,00	35	100,00	
3	Đường nội đồng Khô Roa		210,5	200,0	200,0	100,00	200,0	100,00	
4	Đường đi vào nghĩa trang nhân dân xã Ia Rong		315,8	300,0	300,0	100,00	300,0	100,00	
5	Xây dựng nghĩa trang nhân dân xã Ia Rong		3.684,2	1.109,5	1109,5	100,00	1109,5	100,00	
6	Đường GTNT Tung Neng (Tuyến 1: Từ nhà thờ tin lành đến nhà ông Rolan Thố; Tuyến 2: Từ nhà ông Kpă H'Yố đến nhà ông Nguyễn Quang Thành)		800,0	137,5	137,5	100,00	137,5	100,00	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	TMDT	KH NĂM 2019	Thực hiện năm 2019				GHI CHÚ
					Khối lượng thực hiện		Khối lượng giải ngân		
					Khối lượng	Đạt (%)	Khối lượng	Đạt (%)	
7	Đường GTNT Tung Neng (Tuyến 1: Từ nhà ông Siu Dor đến nhà ông Nguyễn Văn Phóng 675m; Tuyến 2: Từ nhà thờ tin lành đi thôn Tung Blai 235m)	xã Ia Dreng	736,8	700,0	700	100,00	700	100,00	
8	Đường GTNT Tung Chrêh (Từ nhà ông Kpă Su đến nhà ông Hoàng Văn Hùng)		631,6	600,0	600	100,00	600	100,00	
9	Đường GTNT Tung Chrêh (Nhà ông Phạm Ngọc Lễ đến nhà ông Đào Văn Thiệp)		736,8	700,0	700	100,00	700	100,00	
10	Xây dựng nhà hiệu bộ và sân bê tông Trường Mầm non 2/9	xã Ia Hla	700,0	700,0	700,0	100,00	700,0	100,00	
11	Mua sắm trang thiết bị nhà SHND Hra		52,6	50,0	50	100,00	50	100,00	
12	Xây dựng mới và mua sắm trang thiết bị nhà SHND thôn Cây Xoài		473,7	450,0	450,0	100,00	450,0	100,00	
13	Đoạn cây Xoài đi Tông Két (đoạn 3) và đường dẫn 150m vào cầu tràng 50m		1.894,7	937,5	937,5	100,00	937,5	100,00	
14	Sân thể thao xã Chư Don	xã Chư Don	821,1	780,0	780	100,00	780	100,00	
15	Đường giao thông nông thôn làng Thơ Ga A đi khu sản xuất (đối diện vườn tiêu nhà ông Huỳnh Nhơn đến rẫy ông Nam Tuyết-Thủy Hà)		505,3	480,0	480,0	100,00	480,0	100,00	
16	Đường nội đồng đi cánh đồng Plei Thơ Ga (nhánh 2)		976,8	877,5	877,5	100,00	877,5	100,00	
17	Đường GT suối bà Loan đến nhà ông Vĩ thôn Phú Bình	xã Ia Le	475,0	237,5	237,5	100,00	237,5	100,00	
18	Đường GT nhà ông Túc đến suối Đông xuân thôn Phú Bình		665,0	257,5	257,5	100,00	257,5	100,00	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	TMĐT	KH NĂM 2019	Thực hiện năm 2019				GHI CHÚ
					Khối lượng thực hiện		Khối lượng giải ngân		
					Khối lượng	Đạt (%)	Khối lượng	Đạt (%)	
19	Đường nội thôn Thoh Nhueng (từ điểm trường mầm non Plei Thoh Nhueng đến ngã ba nhà ông Phan Truyền Bản)	xã Ia Phang	600,0	300,0	300,0	100,00	300	100,00	
20	Nhà thi đấu đa năng xã Ia Phang		2.117,6	420,5	420,5	100,00	420,5	100,00	
21	Xây dựng nghĩa trang nhân dân xã Ia Blứ	xã Ia Blứ	1.058,8	720,5	720,5	100,00	720,5	100,00	
22	Xây dựng nhà học 08 phòng, nhà hiệu bộ, thư viện Trường TH Trần Quốc Toàn	xã Ia Hrú		154,0	154	100,00	154	100,00	
X	NGUỒN TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ TRƯỜNG HỌC VÀ NGUỒN ĐỂ LẠI PHÂN BỐ SAU ĐỂ ĐẦU TƯ TRƯỜNG CHUẨN		4.309,0	1.758,0	1.758,0	100,00	1.758,0	100,00	
1	Trường THCS Trần Phú, xã Ia Le	Ia Le	2.292,0	993,0	993	100,00	993,0	100,00	
2	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh, xã Ia Blứ	Ia Blứ	2.017,0	765,0	765	100,00	765,0	100,00	
XI	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM (NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH)		8.002	3.800	7.600	200,00	3.800	100,00	Tỉnh mới cấp tạm ứng 50%
1	Đường Tung Mo A (Tuyến 1: Từ nhà ông Đình Cho đến nhà ông Kpă Ché; Tuyến 2: Từ nhà bà Rahlan H' Pol đến nhà bà Kpă H' Blen 200m)	xã Ia Dreng	421	200	400	200,00	200	100,00	
2	Đường Tung Mo A (Từ nhà SHCD xuống giọt nước và nghĩa địa)		316	150	300	200,00	150	100,00	
3	Xây dựng nghĩa trang nhân dân		421	200	400	200,00	200	100,00	
4	Đường GTNT Tung Blai (Từ nhà ông Mai Văn Thuyền đi nhà ông Tạ Ngọc Vũ)		526	250	500	200,00	250	100,00	
5	Đường Tung Chrêh (Từ nhà Đình Văn Túy đến nhà ông Nguyễn Văn Khương		684	325	650	200,00	325	100,00	
6	Đường Tung Chrêh (Tuyến 1: Từ nhà ông Đào Văn Thiệp đến nhà ông Đình Công Chấn 300m; Tuyến 3: Từ nhà Ralan H'Runich đến nhà bà Nghiêm Thị Minh Phượng 150m)		474	225	450	200,00	225	100,00	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	TMĐT	KH NĂM 2019	Thực hiện năm 2019				GHI CHÚ
					Khối lượng thực hiện		Khối lượng giải ngân		
					Khối lượng	Đạt (%)	Khối lượng	Đạt (%)	
7	Đường Tung Dao (Tuyến 1: Từ nhà ông Romah Klao đến nhà Nguyễn Văn Đông 100m; Tuyến 2: Từ nhà Trần Văn Thi đến nhà Rmah He 450)		632	300	600	200,00	300	100,00	
8	Đường liên xã (Từ ngã ba nhà bà Tiết lên cổng UBND xã)		316	150	300	200,00	150	100,00	
9	Đường Tung Mo B (Sửa chữa một số đoạn đường thôn)		211	100	200	200,00	100	100,00	
10	Công trình cấp nước tập trung	xã Ia Rong	1.053	500	1.000	200,00	500	100,00	
11	Trung tâm thể thao xã		1.053	500	1.000	200,00	500	100,00	
12	Nhà VH thôn Tao Klăh. HM: Sân bê tông và các HM phụ		105	50	100	200,00	50	100,00	
13	Nhà VH thôn Teng Nong. HM: Sân bê tông và các HM phụ		105	50	100	200,00	50	100,00	
14	Nhà VH thôn Ia Sâm. HM: Sân bê tông và các HM phụ		105	50	100	200,00	50	100,00	
15	Nhà VH thôn Tao Kó. HM: Sân bê tông và các HM phụ		105	50	100	200,00	50	100,00	
16	Nhà VH thôn Bê Tel. HM: Sân bê tông và các HM phụ		105	50	100	200,00	50	100,00	
17	Nhà VH thôn Khô Roa. HM: Sân bê tông và các HM phụ		105	50	100	200,00	50	100,00	
18	Đường nội thôn Tao Kó (đoạn nối tiếp nhà văn hóa)		316	150	300	200,00	150	100,00	
19	Đường nội thôn Tao Klăi		948	450	900	200,00	450	100,00	